***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

**CHƯƠNG I: ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC. ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 01** | **HAI GÓC ĐỐI ĐỈNH** |

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức**

HS nắm được thế nào là hai góc đối đỉnh, tính chất của hai góc đối đỉnh.

**2.Kỹ năng**

HS vẽ được góc đối đỉnh của một góc cho trước. Nhận biết được các góc đối đỉnh trong một hình. Bước đầu tập suy luận.

**3.Thái độ**

Nhiệt tình, tự giác trong học tập.

**4.Định hướng năng lực và phẩm chất**

Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ.

Phẩm chất: Tự tin, tự chủ.

**II. ChuẨn bỊ**

- GV: Chuẩn bị phiếu học tập, thước thẳng, êke

- HS: Đồ dùng học tập

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số

**2. Kiểm tra bài cũ** (không kiểm tra)

**3. Tiến trình bài học:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **A.Hoạt động khởi động**  *Mục tiêu*: Làm quen và giới thiệu chương trình hình 7 học kì 1  *Phương pháp*: Thuyết trình  *Sản phẩm*: HS lắm được đặc điểm và phương pháp học. | | |
| -GV giới thiệu chương trình hình học 7 học kì 1  -GV nêu những yêu cầu của bộ môn  -GV yêu cầu HS chuẩn bị những đồ dùng cần thiết cho môn học. | -HS theo dõi  -HS ghi nhớ yêu cầu của GV  -HS ghi lại tên những dụng cụ cần thiết để về nhà chuẩn bị . | Đồ dùng cần chuẩn bị:  -Thước thẳng  -Thước đo góc  -Com-pa; ê-ke  -Bút chì, gôm. |
| **B.Hoạt động hình thành kiến thức** | | |
| **Hoạt động 1**: **Tìm hiểu về góc đối đỉnh**  *Mục tiêu*: HS nhận biết được góc đối đỉnh  *Phương pháp*: Thuyết trình, vấn đáp gợi mở  *Sản phẩm*: HS biết vẽ góc đối đỉnh và nhận ra được góc đổi đỉnh từ các hình vexcho trước | | |
| GV vẽ H1(SGK/81) lên bảng, giới thiệu  là hai góc đối đỉnh.  -Em có nhận xét gì về cạnh, về đỉnh của 2 góc đối đỉnh?  -Thế nào là 2 góc đối đỉnh?  -Muốn vẽ 2 góc đđ ta làm tn?  -Hai có đđ không? Vì sao?  - Hai đường thẳng cắt nhau sẽ tạo thành mấy cặp góc đđ?  -cho hãy vẽ góc đđ với  GV nhận xét và chốt phương pháp | HS vẽ hình vào vở, quan sát hình vẽ và nhận dạng 2 góc đđ  -Cạnh của góc này là tia đối của góc kia và ngược lại.  -Chung đỉnh  -HS phát biểu ĐN  -HS trả lời  -2 cặp góc đđ  -HS nêu cách vẽ và thực hành | **1.Thế nào là hai góc đối đỉnh**  Góc và góc  là 2 góc đối đỉnh.  *\*Định nghĩa: ( SGK/81)*  *\*Chú ý: Hai đường thẳng cắt nhau tạo thành 2 cặp góc đối đỉnh* |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về tính chất của hai góc đối đỉnh**  *Mục tiêu*: HS nắm được tính chất của hai góc đối đỉnh  *Phương pháp*: thuyết trình, vấn đáp gợi mở và thực hành  *Sản phẩm*: HS tính được số đo của 1 góc khi biết số đo của góc đối đỉnh với góc đó. | | |
| -GV hướng dãn HS làm **?3**  -GV hướng dẫn HS chứng minh bằng suy luận | -HS thực hiện  -HS quan sát, dự đoán và thực hiện đo góc và đưa ra nhận xét | **2.Tính chất**  Bằng suy luận**:**  Ta có:  (1) ( kề bù)  Và (2) ( kề bù)  Từ (1) và (2) suy ra    **Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.** |
| **C.Hoạt động luyện tập – vận dụng**  *Mục tiêu*: HS biết vận dụng các kiến thức về góc đối đỉnh để giải các bài tập liên quan  *Phương pháp*: Hoạt động cá nhân, vấn đáp gợi mở, luyện tập thực hành  *Sản phẩm*: HS giải được các bài tập về góc đối đỉnh | | |
| -GV đặt các câu hỏi củng cố:  +2 góc đđ thì bằng nhau, vậy 2 góc bằng nhau có đối đỉnh không?  -GV vẽ hình minh họa  -GV yêu cầu HS làm BT1 và BT 2  GV nhận xét | -HS suy nghĩ và trả lời  -HS quan sát hình vẽ  -HS đứng tại chỗ trả lời các câu hỏi | **Bài 1**:  a)……x’Oy’……. Tia đối….  b)…..hai góc đối đỉnh….Ox’ …Oy’ là tia đối của cạnh Oy  **Bài 2**:  a)…………đối đỉnh  b)…………đối đỉnh |
| **D.Hoạt động tìm tòi – mở rộng**  *Mục tiêu*: HS luyện tập thêm các Bt để củng cố kiến thức đã học  *Phương pháp*: Hoạt động cá nhân  *Sản phẩm*: HS hoàn thành được các BTVN  GV giao nhiệm vụ:  *Nhiệm vụ 1*: Làm tại lớp  -GV ttreo bảng phụ bài 1/SBT/73: Xem Hình 1a,b,c,d,e: Cho biết góc nào là góc đối đỉnh? Góc nào không phải góc đối đỉnh? Vì sao?  *Nhiệm vụ 2*: Về nhà  -Học thuộc định nghĩa, tính chất của hai góc đđ. Ôn tập cách vẽ góc đđ.  - Làm BT3,4,5(SGK) và 1,2,3(SBT) | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 02** | **LUYỆN TẬP** |

**I.Mục tiêu bài học**

**1.Kiến thức**: HS nắm chắc về ĐN góc đối đỉnh, tính chất “ Hai góc đđ thì bằng nhau”.

**2.Kỹ năng**: Nhận biết và vẽ được góc đđ. Bước đầu tập suy luận và trình bày BT hình đơn giản

**3.Thái độ**: Cẩn thận, nghiêm túc.

**4.Năng lực**: Năng lực giao tiếp, tư duy và sáng tạo.

**II.Chuẩn bị của giáo viên và học sinh**

1.Chuẩn bị của GV: SGK, thước thẳng, thước đo góc, bảng phụ.

2.Chuẩn bị của HS: SGK, thước thẳng, thước đo góc.

**III.Phương pháp dạy học**: Thuyết trình, vấn đáp gợi mở.

**IV. Tiến trình dạy học**

1.Ổn định: Kiểm tra sĩ số, đồ dùng của hs.

2.Kiểm tra bài cũ: GV yêu cầu HS sửa BT5/sgk/82

3.Tổ chức các hoạt động

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung ghi bài** |
| **A.Hoạt động khởi động**  -*Mục tiêu*: Ôn lại kiến thức về góc đối đỉnh  -*Phương pháp*: Hoạt động thực hành và nhận biết  -*Sản phẩm*: HS hoàn thành được yêu cầu của GV | | |
| -GV nêu yêu cầu : Vẽ 2 đt zz’ và tt’ cắt nhau tại A. Viết tên các cặp góc đđ và các cặp góc bằng nhau?  GV nhận xét  -Áp dụng tính chất về góc đối đỉnh có thể giải được các bài tập như thế nào ?  Hôm nay chúng ta tìm hiểu xem các dạng nào sử dụng tính chất về góc đối đỉnh. | -HS thực hiện lên bảng  -HS theo dõi |  |
| **B.Hoạt động hình thành kiến thức và luyện tập**  **-***Mục tiêu*: Ôn tập lại kiến thức về góc đối đỉnh và giúp HS giải, trình bày các BT về góc đối đỉnh  -*Phương pháp*: Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm, thuyết trình, vấn đáp gợi mở  -*Sản phẩm:* HS dần hoàn thiện được các bài tập | | |
| -GV cho HS đọc đề Bài 6/sgk/83  -Để vẽ 2đt cắt nhau tạo thành góc 470 ta làm thế nào?  -Dựa vào hình vẽ, biết ta có thể tính ngay số đo góc nào? Vì sao?  -Từ đó tính tiếp  GV nhận xét và hướng dẫn cách trình bày cho HS. | -HS đọc bài  -HS nêu cách vẽ.  1HS lên bảng vẽ  -Tính được vì đđ  HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp theo dõi và nhận xét. | **1.Sửa bài tập**( Kiểm tra bài cũ)  **2.Luyện tập**  Bài 6/sgk/83  Giải  Ta có: ( 2 góc đđ)  Mà ( kề bù)  Nên  Mà  đđ |
| -GV yêu cầu HS làm bài 7  -Cho HS hoạt động nhóm tìm ra các cặp góc đối đỉnh.  -GV nhận xét và cho điểm. | -HS đọc đề bài và vẽ hình  -HS tìm và giải thích. Đại diện nhóm lên trình bày bài. | Bài 7/sgk/83    ; ;  (các cặp góc đđ) |
| -GV yêu cầu HS làm bài 8  -Ngoài ra còn trường hợp nào không?  -Qua bài toán rút ra nhận xét gì? | HS đọc đề bài  -1HS lên bảng vẽ hình, HS còn lại vẽ hình vào vở.  -Hai góc bằng nhau chưa chắc đã đối đỉnh. | Bài 8/sgk/83 |
| **C.Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng** | | |
| -GV yêu cầu HS làm bài 9  -Muốn vẽ góc vuông xAy ta làm thê nào?  -Có nhận xét gì về số đo các góc x’Ay, x’Ay’, xAy’ ?  -Hãy tìm các góc vuông không đối đỉnh?  Bằng suy luận hãy chứng minh các góc đó là góc vuông?  Làm BT 4, 5,6(SBT). Đọc trước bài “ Hai đường thẳng vuông góc | -HS làm bài  -Vẽ tia Ax  -Dùng ê ke vẽ tia Ay sao cho  -HS trả lời  -HS tập suy luận | Bài 9/sgk/83  Các góc vuông không đối đỉnh là:  và ;  và  và ;  và |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 03** | **HAI ĐƯỜNG THẲNG VUÔNG GÓC** |

**I.** **Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**:

- Học sinh hiểu được thế nào là hai đường thẳng vuông góc với nhau.

- Công nhận tính chất: “Có duy nhất một đường thẳng b đi qua A và vuông góc với đường thẳng a.

- Hiểu thế nào là đường trung trực của một đoạn thẳng.

**2. Kĩ năng:**

- Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm cho trước và vuông góc với 1 đường thẳng cho trước.

- Biết vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng và nhận dạng 1 đường thẳng có là đường trung trực của 1 đoạn thẳng hay không.

- Sử dụng thành thạo êke để vẽ hình.

- Bước đầu tập suy luận.

**3. Thái độ :**Chú ý nghe giảng, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực :**Tự học, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành, hợp tác nhóm, phát triển ngôn ngữ...

**II. Chuẩn bị:**

**1.** **Giáo viên**: Soạn bài, SGK, SBT, phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, êke, giấy.

**2**. **Học sinh**: SGK,SBT, học và làm bài tập về nhà, đọc trước bài, đồ dùng học tập.

**III**. **Phương pháp:** Tư duy suy luận toán học, trao đổi nhóm, phân tích, nêu và giải quyết vấn đề, áp dụng thành tố tích cực của mô hình trường học mới...

**IV. Kế hoạch dạy học:**

**1.** **Ổn định tổ chức:** (1’) GV gọi lớp trưởng báo cáo sĩ số, lớp phó báo cáo việc chuẩn bị sách vở của các bạn trong lớp.

**2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút**.

Yêu cầu 1 HS lên bảng trả lời: Thế nào là hai góc đối đỉnh ? Nêu tính chất của hai góc đối đỉnh? Vẽ  = 900? Vẽ góc  đối đỉnh với ?

**3. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: ( 2 phút)**  *1. Mục đích: HS vẽ hai đường thẳng vuông góc.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân.* | | | | | |
| **HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | | | **NỘI DUNG** | |
| **\*GV:** Hai đường thẳng xx’ và yy’ là hai đường thẳng vông góc. Để nghiên cứu về hai đường thẳng vuông góc ta vào bài học hôm nay. | **\*HS:** Vẽ hai góc theo yêu cầu.    y    O  x x’    y’ | | |  | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (20 phút)**  *1. Mục đích: HS biết thế nào là hai đường thẳng vuông góc, cách vẽ hai đường thẳng vuông góc, thế nào là trung trực của đoạn thẳng…*  *2. Phương pháp: Quan sát, suy luận,thực hành vẽ hình, vấn đáp.* | | | | | |
| **\*GV:** Yêu cầu HS đọc đề bài **?1.**  - Gấp mẫu cho HS quan sát.  - Yêu cầu HS làm theo.  - Em hãy quan sát và nêu nhận xét về các nếp gấp và các góc tạo thành bởi các nếp gấp đó?  - Vẽ h.4 lên bảng, yêu cầu HS làm **?2.**  **\*GV:** Hai đường thẳng xx' và yy' được gọi là 2 đường thẳng vuông góc. Vậy thế nào là hai đường thẳng vuông góc ?  **\*GV:** Giới thiệu cách ký hiệu và các cách diễn đạt 2 đường thẳng vuông góc. | **\*HS:** Đọc đề bài **?1** và thực hành gấp giấy (đã chuẩn bị sẵn) như SGK đã hướng dẫn.  **\*HS:** Quan sát và rút ra nhận xét:  - Các nếp gấp tạo thành 2 đường thẳng cắt nhau.  - Các góc tạo thành bởi các nếp gấp là 4 góc vuông.  **\*HS:** Đọc đề bài và vẽ hình **?2** vào vở.  - HS dựa vào bài 9 nêu cách suy luận, chứng tỏ các góc xOy’, x’Oy, x’Oy’ đều là các góc vuông.    Ta có:  =900  Và = =900 (đối đỉnh)  Mặt khác  + =1800 (kề bù)  =>= 1800 –  = 1800 – 900 = 900  Mà = = 900 (đối đỉnh).  Vậy các góc xOy’, x’Oy, x’Oy’ là các góc vuông  **\*HS:** Phát biểu định nghĩa hai đường thẳng vuông góc.  **\*HS:** Nghe giảng, ghi bài | **1.** **Thế nào là 2 đường thẳng vuông góc:**  ***\*Định nghĩa:******SGK***  Ký hiệu: x x’ ⊥ yy’ | | | |
| **\*GV:** Muốn vẽ hai đường thằng vuông góc ta làm như thế nào?  **\*GV:** Cho HS làm **?3** gọi 1 HS lên bảng vẽ.  **\*GV**: Cho HS hoạt động nhóm làm **?4**, yêu cầu HS nêu vị trí có thể xảy ra giữa điểm O và đường thẳng a rồi vẽ hình theo các TH đó.  - Có mấy đường thẳng qua O và vuông góc với a?  **\*GV:** Đó là nội dung tính chất ta thừa nhận. Cho HS nhắc lại nội dung t/c. | **\*HS:** Nêu các cách vẽ hai đường thẳng vuông góc.  **\*HS:** Cả lớp làm **?3**, một HS lên bảng vẽ hình.  **\*HS:** Hoạt động nhóm làm **?4**, xét 2 trường hợp:  +) O ∈ a.  +) O ∉ a.  **\*HS:** Trả lời câu hỏi. | | **2.** **Vẽ hai đường thẳng vuông góc**:  **?3**  Ta có: a ⊥ a’  ***\*Tính chất: SGK-85*** | | |
| **\*GV:** Đưa bài toán: Cho đoạn thẳng AB. Vẽ I là trung điểm của AB. Qua I vẽ đường thẳng d ⊥ AB.  - Gọi 2 HS lên bảng vẽ.  **\*GV**: Giới thiệu d là đường trung trực của đoạn thẳng AB.  **\*GV**: Vậy d là đường trung trực của đoạn thẳng AB khi nào? Đó là nội dung ĐN.  **\*GV**: Giới thiệu chú ý.  - Muốn vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng ta làm ntn?  **\*GV:** Giới thiệu cách gấp giấy của bài 13/86 SGK.  **\*GV:**  Nhấn mạnh 2 điều kiện để 1 đt là trung trực của 1 đoạn thẳng:  +) Vuông góc với đoạn thẳng.  +) Đi qua trung điểm của đoạn thẳng. | **\*HS:** Làm vào vở. Hai HS lên bảng vẽ hình.  - HS dưới lớp nhận xét, góp ý.  **\*HS:** Khi d đi qua trung điểm của AB và vuông góc với AB.  **\*HS:** Nhắc lại nội dung chú ý.  **\*HS:** Nêu cách vẽ.  **\*GV:** Giới thiệu cách gấp giấy của bài 13/86 SGK.  **\*HS:** Ghi nhớ. | | | **3.** **Đường trung trực của đoạn thẳng.**  Ta có: d là đường trung trực của đoạn thẳng AB.  ***\*Định nghĩa: SGK-85***  ***Chú ý:***Khi d là đường trung trực của đoạn AB ta nói A, B đối xứng nhau qua d. | |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG: (12 phút)**  *1. Mục đích: hs vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân, vấn đáp giải quyết vấn đề.* | | | | | |
| \*GV: Thế nào là hai đường thẳng vuông góc? Thế nào là đường trung trực của một đoạn thẳng?  **\*GV**: Dùng bảng phụ nêu bài 11/86 SGK yêu cầu HS điền vào chỗ trống.  **\*GV:** Yêu cầu HS làm tiếp bài 12/86 SGK, yêu cầu HS vẽ hình biểu diễn trường hợp sai.  **\*GV:** Cho HS làm bài 14/86 SGK. Gọi 1 HS lên bảng vẽ (GV qui ước 1cm trong vở ứng với bao nhiêu cm trên bảng). | **\*HS:** Trả lời.  **\*HS:** Đọc kỹ đề bài, điền từ thích hợp vào chỗ trống, cử đại diện đứng tại chỗ trả lời.  **\*HS:** Đọc kỹ đề bài, nhận xét đúng sai, có vẽ hình minh hoạ.    **\*HS:** Làm bài. 1 HS lên bảng. | | | | **4. Luyện tập.**  **Bài 11/86 SGK.**  a)...cắt nhau tạo thành bốn góc vuông (hoặc trong các góc tạo thành có 1 góc vuông).  **Bài 12/86 SGK.**  a) Đúng.  b) Sai.  **Bài 14 /86 SGK.**  - Vẽ CD = 3 cm  - Xác định H ∈ CD sao cho DH = CH = 1,5 cm  - Qua H vẽ đường thẳng d sao cho d ⊥ CD  => d là đường trung trực của CD  C  D  d  H |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (3')**  *1. Mục đích: Tìm hiểm kĩ hơn điều kiện cần và đủ để đường thẳng là trung trực của một đoạn thẳng.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân,nhóm, vấn đáp giải quyết vấn đề...* | | | | | |
| **\*GV:** Treo bảng phụ:  Trong các hình vẽ sau hình nào vẽ đường trung trực của đoạn thẳng? Vì sao?  A  B  a | **\*HS:** Thảo luận nhóm,đ ại diện trả lời.  - Hình a: đường thẳng a không là trung trực của AB vì a không vuông góc với AB.  - Hình b: đường thẳng b không là trung trực của EF vì b không đi qua trung điểm của EF.  - Hình c: d là trung trực của CD vì:  +) d CD. +) CI = DI. | | | | |
| E  F  b | C  D  d  I | | | | |
| **E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ: ( 2 phút)** | | | | | |
| - Học thuộc định nghĩa 2 đường thẳng vuông góc, đường trung trực của một đoạn thẳng.  - Luyện vẽ 2 đường thẳng vuông góc, vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng.  - BTVN: 15; 16; 17; 18 (SGK) và 10; 11 (SBT).  - Chuẩn bị giấy trong để gấp hình.  - Hướng dẫn vẽ hai đường thẳng vuông góc bằng eeke (bài 16/87 SGK) và bằng thước thẳng có chia khoảng. | | | | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 04** | **LUYỆN TẬP** |

**I.** **Mục tiêu:**

**1. Kiến thức**: Củng cố kiến thức về 2 đường thẳng vuông góc, đường trung trực của đoạn thẳng.

**2. Kĩ năng:**

- Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm cho trước và vuông góc với 1 đường thẳng cho trước.

- Biết vẽ đường trung trực của một đoạn thẳng.

- Sử dụng thành thạo êke, thước thẳng để vẽ hình.

- Bước đầu tập suy luận logic.

**3. Thái độ :**Chú ý nghe giảng, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực :**Tự học, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành, hợp tác nhóm, phát triển ngôn ngữ...

**II. Chuẩn bị:**

**1.** **Giáo viên** : Soạn bài, SGK, SBT, phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, êke, giấy.

**2**. **Học sinh**: SGK,SBT, học và làm bài tập về nhà, đọc trước bài, đồ dùng học tập.

**III**. **Phương pháp:** Tư duy suy luận toán học, trao đổi nhóm, phân tích, nêu và giải quyết vấn đề, áp dụng thành tố tích cực của mô hình trường học mới...

**IV. Kế hoạch dạy học:**

**1.** **Ổn định tổ chức:** (1’) GV gọi lớp trưởng báo cáo sĩ số, lớp phó báo cáo việc chuẩn bị sách vở của các bạn trong lớp.

**2. Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp với hoạt động khởi động.

**3. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG: ( 5 phút)**  *1. Mục đích: HS ôn lại về đường thẳng vuông góc, đường trung trực của đoạn thẳng, vẽ hai đường thẳng vuông góc.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân.* | | | |
| **HƯỚNG DẪN GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG HỌC SINH** | | **NỘI DUNG** |
| **\*GV:** Cho HS lên bảng.  **\*HS1:** Thế nào là 2 đường thẳng vuông góc? Cho đường thẳng xx', O ∈ xx’. Hãy vẽ đường thẳng yy’ đi qua O và vuông góc với xx’.  **\*HS2:** Phát biểu định nghĩa đường trung trực của đoạn thẳng. Cho AB = 4 cm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng AB. | **\*HS:** Lên bảng. | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC: (154phút)**  *1. Mục đích: HS biết thế nào là hai đường thẳng vuông góc, cách vẽ hai đường thẳng vuông góc, thế nào là trung trực của đoạn thẳng…*  *2. Phương pháp: Quan sát, suy luận,thực hành vẽ hình, vấn đáp.* | | | |
| **\*GV**: Cho HS làm bài 15/86 SGK.  - Gấp mẫu cho HS quan sát  **\*GV**: Kiểm tra và cho HS nhận xét về 2 nếp gấp.  **\*GV:** Dùng bảng phụ nêu bài 17/87 SGK.  - Gọi lần lượt ba HS lên bảng kiểm tra xem hai đường thẳng có vuông góc với nhau hay không?  **\*GV:** Yêu cầu HS đọc và làm bài 18/87 SGK.  - Gọi một HS lên bảng vẽ.  **\*GV:** Nhận xét, sửa sai cho HS. | **\*HS:** Chuẩn bị giấy trong và thực hành gấp giấy như các hình 8a, b, c.  **\*HS:** 2 nếp vuông góc với nhau.  **\*HS:** Thực hành sử dụng eke để kiểm tra các đường thẳng có vuông góc với nhau hay không.  **\*HS:** Đọc kỹ đề bài, vẽ hình từng bước theo nội dung bài toán. | | **I. Chữa bài tập**  **Bài 15/ 86 SGK:** ***Gấp giấy.***  **Bài 17/87 SGK.**  a) Hai đường thẳng a và a’ không vuông góc với nhau.  b) a ⊥ a’  c) a ⊥ a’  **Bài 18/87 SGK.** |
| **C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG: (20phút)**  *1. Mục đích: hs vận dụng kiến thức để trả lời các câu hỏi, bài tập.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân, vấn đáp giải quyết vấn đề.* | | | |
| **\*GV:** Dùng bảng phụ nêu h.11 yêu cầu HS vẽ lại hình và nói rõ trình tự vẽ.  - Cho HS hoạt động nhóm để có thể phát hiện ra các cách vẽ khác nhau.  - Gọi 1 HS đứng tại chỗ nêu cách vẽ, GV ghi bảng.  **\*GV:** Yêu cầu HS nêu định nghĩa đường trung trực của đoạn thẳng. Nêu cách vẽ đường trung trực của đoạn thẳng.  **\*GV:** Yêu cầu HS đọc đề bài 20/87 SGK.  - Đề bài cho biết gì? Yêu cầu làm gì ?  - Hãy cho biết vị trí của 3 điểm A, B, C có thể xảy ra?  - Từ đó hãy vẽ đường trung trực của các đoạn thẳng AB, BC trong các trường hợp đó.  - Gọi đại diện HS lên bảng vẽ hình.  - Có nhận xét gì về vị trí của d1, d2 trong mỗi trường hợp ?  **\*GV:** Cho HS làm bài 2.1 SBT, gọi 1 HS lên bảng trình bày. | **\*HS:** Quan sát hình vẽ, suy nghĩ, thảo luận để nêu lên cách vẽ của bài toán: Vẽ hai đường thẳng d1 và d2 cát nhau tại O và tạo với nhau một góc bằng 600, trong góc 600 lấy A, từ A vẽ AB ⊥ d1(B ∈d1), từ B vẽ BC ⊥ d2 ( C ∈ d2).  - HS thực hành vẽ hình của bài toán.  **\*HS:**  - Nêu định nghĩa.  - Nêu cách vẽ:  *Cách vẽ:*  - Vẽ đường thẳng d1 tuỳ ý.  - Vẽ đường thẳng d2 cắt d1 tại O và tạo với d1 một góc 600.  - Lấy diểm A nằm trong góc d1Od2.  - Vẽ AB ⊥ d1 ( B ∈ d1).  - Vẽ BC ⊥ d2 ( C ∈ d2).  **\*HS:** Đọc đề bài 20/87 SGK..  - Tóm tắt bài toán.  **\*HS:** A, B, C thẳng hàng: A, B, C không thẳng hàng.  - Đại diện HS lên bảng vẽ hình của các trường hợp.  **\*HS:** Rút ra nhận xét về vị trí của d1, d2 trong các trường hợp.  **\*HS:** Cả lớp làm bài 2.1SBT, HS lên bảng.  **Bài 2.1 SBT/103**  Ta có:  (hai góc kề bù)  Mà :  Có  ( tia Ot nằm giữa hai tia Oy và Oz)  Mà  nên  => đường thẳng chứa tia Ot và đường thẳng chứa tia Oy vuông góc với nhau. | | II. Luyện tập  **Bài 19/87 SGK.**  +) Xác định trung điểm của đoạn thẳng đó.  +) Dựng đường thẳng đi qua trung điểm của đoạn thẳng và vuông góc với đoạn thẳng đó.  **Bài 20/87 SGK.**  a) A, B, C thẳng hàng  \****B nằm giữa A và C***    \****B không nằm giữa A và C***    b) ***A, B, C không thẳng hàng*** |
| **D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (3')**  *1. Mục đích: Điều kiện cần và đủ để đường thẳng là trung trực của đoạn thẳng.*  *2. Phương pháp: Hoạt động cá nhân,nhóm, vấn đáp giải quyết vấn đề...* | | | |
| **\*GV:** Yêu cầu: Phát biểu định nghĩa hai đường thẳng vuông góc ?  - Phát biểu t/c đường thẳng đi qua 1 điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước ?  **\*GV:** Dùng bảng phụ nêu bài tập trắc nghiệm, yêu cầu HS cho biết câu nào đúng, câu nào sai? Hãy vẽ hình minh hoạ cho các câu sai. | | **\*HS:** Trả lời các câu hỏi của giáo viên.  **\*HS:** Đọc kỹ đề bài, nhận xét đúng sai.  a, Sai.  b, Sai.  c, Đúng.  d, Đúng. | |
| **Bài tập: *Đúng hay sai ?***  a) Đường thẳng đi qua trung điểm đoạn AB là đường trung trực của đoạn thẳng AB.  b) Đường thẳng vuông góc với đoạn AB là đường trung trực của đoạn thẳng AB.  c) Đường thẳng đi qua trung điểm và vuông góc với đoạn AB là trung trực của AB.  d) Hai mút của đoạn thẳng đối xứng nhau qua đường trung trực của nó. | | | |
| **E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ: ( 2 phút)** | | | |
| * Xem lại các bài tập đã chữa, học thuộc kĩ thế nào là hai đường thẳng vuông góc, đường trung trực của đoạn thẳng. * BTVN: 10, 11, 12, 13, 14, 15 (SBT) * Đọc trước bài: “Các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng". | | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 05** | **CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG** |

***I) Mục tiêu:***

1. ***Kiến thức***: Học sinh nhận dạng được các loại góc: cặp góc trong cùng phía, cặp góc so le trong, cặp góc đồng vị …..
2. ***Kỹ năng***: Nắm được tính chất của các góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng. Bước đầu tập suy luận

***3) Thái độ***: - Nghiêm túc, tích cực, chủ động, độc lập và hợp tác trong hoạt động nhóm.

***4) Định hướng phát triển năng lực***: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, chia sẽ.

1. ***Chuẩn bị của GV và HS:***

GV: SGK-thước thẳng-thước đo góc-máy chiếu

HS: SGK-thước thẳng-thước đo góc

1. ***Tiến trình dạy học:***

1. Ổn định tổ chức: (1p)

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ bài dạy

3. Bài mới:

**A.Hoạt động khởi động (5 phút)**

***\* Mục tiêu***: Tạo sự chú ý của HS để vào bài mới, dự án các phương án giải quyết được.

Cho HS xem video về các loại góc tạo bởi một đường thẳng cắt hai đường thẳng trong thực tế

**B.Hoạt động hình thành kiến thức ( 27 phút)**

*a, Mục tiêu*

- Học sinh nhận biết được các cặp góc so le, đồng vị, trong cùng phía trên hình vẽ; HS tìm được một số hình ảnh góc so le trong, góc đồng vị trong thực tế.

- HS nắm vững tính chất: Nếu một đường thẳng cắt 2 đường thẳng và trong các góc tạo thành có 1 cặp góc so le trong bằng nhau thì:

+ Hai góc so le trong còn lại bằng nhau

+ Hai góc đồng vị bằng nhau

- HS biết vận dụng tính chất để giải các bài toán

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

* Hoạt động nhóm, cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.

*c. Sản phẩm*: Hoàn thành các yêu cầu giáo viên đặt ra

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Ghi bảng** |
| **Hoạt động 1: Góc so le trong, góc đồng vị (12phút)** | | |
| **Nhiệm vụ 1:**  GV vẽ hình 12 lên bảng  Hđ cá nhân trả lời câu hỏi?  H: Có bao nhiêu góc đỉnh A? bao nhiêu góc đỉnh B?  GV đánh số các góc và giới thiệu góc so le trong, góc đồng vị  Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhântìm tiếp các cặp góc so le trong, góc đồng vị còn lại  **Nhiệm vụ 2:**  GV yêu cầu học sinh hoạt động nhóm làm ?1  Sau đó kiểm tra vòng tròn rồi báo cáo nhóm trưởng  *GV yêu cầu 3 nhóm làm xong nhanh nhât đính bài làm trên bảng, các nhóm khác nhận xét, phản biện.*  *Gv nhận xét tổng hợp*  **Nhiệm vụ 3:**  GV nêu BT 21 yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân điền vào chỗ trống  Gọi 1 số hs đứng tại chỗ trả lời  Gv mời 1 số em nhận xét câu trả lời  GV nhận xét và kết luận | **Nhiệm vụ 1:**  Học sinh vẽ hình vào vở  HS Hđ cá nhân tl câu hỏi?  HS: Có 4 góc đỉnh A, 4 góc đỉnh B  Học sinh nghe giảng và ghi bài  Học sinh quan sát hình vẽ tìm nốt các cặp góc so le trong, góc đồng vị còn lại  **Nhiệm vụ 2:**  HS hoạt động nhóm thực hiện ?1  Nhóm trưởng phân công đổi bài kiểm tra theo vòng tròn.  Báo cáo nhóm trưởng kết quả  Giải thích được cách làm bài của mình  **Nhiệm vụ 3:**  Hs hoạt động cá nhân bài tập 21  Học sinh quan sát kỹ hình vẽ, đọc kỹ nội dung bài tập rồi điền vào chỗ trống  Một số em trả lời và nhận xét | **1.Góc so le trong, góc đ.vị**  \*Cặp góc so le trong  và ;  và  \*Cặp góc đồng vị  và ;  và  và ;  và  **Bài 21** Điền vào chỗ trống  a)…..so le trong  b) …..đồng vị  c) …...đồng vị  d) …..so le trong |

**Hoạt động 2: Tính chất (15 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 4:**  GV vẽ h.13 (SGK) lên bảng  Gọi một học sinh đọc h.vẽ  GV cho học sinh hoạt động nhóm làm ?2 (SGK-88)  GV yêu cầu học sinh tóm tắt bài toán dưới dạng cho và tìm  Gv giúp đỡ các nhóm gặp khó khăn.  Gv mời 2 nhóm bất kỳ lên đính kết quả trên bảng và mời các nhóm khác nhận xét.  Gv nhận xét và chính xác hóa.  Nếu đt c cắt 2 đt a và b, trong các góc tạo thành có 1 cặp góc so le trong bằng nhau thì các cặp góc so le trong còn lại và các cặp góc đồng vị ntn?  -GV nêu tính chất (SGK)  GV kết luận. | **Nhiệm vụ 4:**  Học sinh vẽ hình vào vở và đọc hình vẽ  Học sinh tóm tắt bài toán dưới dạng cho và tìm. Rồi hoạt động nhóm làm bài tập  Đại diện 2 nhóm gv yêu cầu lên đính kết quả trên bảng các nhóm khác nhận xét, phản biện.  HS: Cặp góc so le trong còn lại bằng nhau  Các cặp góc đồng vị bằng nhau  Học sinh đọc tính chất (SGK) | **2.Tính chất:**  Cho  a) Tính: ,  Ta có:  (kề bù)    Tương tự ta có:  b)  (đối đỉnh)    c) Ba cặp góc đồng vị còn lại    *\*Tính chất: SGK-89* |

**C. D Hoạt động luyện tập,vận dụng:(8 phút)**

*a. Mục tiêu:* Nhận biết được các cặp góc khi có 1 đường thẳng cắt 2 đường thẳng

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

- Hoạt động nhóm, cá nhân, đánh giá.

*c. Sản phẩm*: Hoàn thành các yêu cầu giáo viên đặt ra

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân làm BT 22 (SGK)  GV vẽ hình 15 (SGK) lên bảng  Yêu cầu học sinh lên bảng điền tiếp số đo ứng với các góc còn lại  Hãy đọc tên các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị ?  GV giới thiệu cặp góc trong cùng phía, yêu cầu học sinh tìm tiếp cặp góc trong cùng phía còn lại  Có nhận xét gì về tổng 2 góc trong cùng phía trong hình vẽ bên ?  Từ đó rút ra nhận xét gì ?  GV kết luận. | Học sinh đọc đề bài, quan sát hình vẽ 15 (SGK)  Học sinh vẽ lại hình 15 vào vở  Một học sinh lên bảng viết tiếp các số đo còn lại của các góc  Học sinh đọc tên các cặp góc so le trong, các cặp góc đồng vị trong hình vẽ  Học sinh quan sát hình vẽ, nhận dạng khái niệm  HS: Hai góc trong cùng phía có tổng số đo bằng 1800  HS rút ra nhận xét | **Bài 22 (SGK)**  b)      c)    *Nhận xét:Hai góc trong cùng phía bù nhau.* |

**E.Hoạt động tìm tòi mở rộng (1 phút)**

Tìm các hình ảnh của các cặp góc sole trong, đồng vị trong thực tế

**4.Củng cố (2 phút)**

Nêu nội dung bài học

**5. Hướng dẫn về nhà (1 phút)**

- Đọc trước bài: “Hai đường thẳng song song”

- BTVN: 23 (SGK) và 16, 17, 18, 19, 20 (SBT)

- Ôn lại định nghĩa 2 đường thẳng song song và các vị trí của hai đường thẳng

**\* Rút kinh nghiệm tiết dạy:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 06** | **HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG** |

1. ***Mục tiêu:***
2. ***Kiến thức***: Học sinh nắm được thế nào là hai đường thẳng song song

- Công nhận dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song

1. ***Kỹ năng***: Biết vẽ đường thẳng đi qua 1 điểm nằm ngoài một đường thẳng cho trước và song song với đường thẳng ấy.

* Biết sử dụng eke và thước thẳng hoặc chỉ dùng eke để vẽ 2 đường thẳng song song.

*3****) Thái độ***: - Nghiêm túc, tích cực, chủ động, độc lập và hợp tác trong hoạt động nhóm.

*4)* ***Định hướng phát triển năng lực***: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, chia sẽ.

1. ***Chuẩn bị của GV và HS:***

GV: SGK-thước thẳng-eke-máy chiếu

HS: SGK-thước thẳng-eke

1. ***Tiến trình dạy học:***

1. Ổn định tổ chức: (1p)

2. Kiểm tra bài cũ: (6p)

|  |  |
| --- | --- |
| *HS1*: Cho hình vẽ:   1. Điền tiếp số đo các góc còn lại vào hình vẽ 2. Phát biểu tính chất các góc tạo bởi 1 đường thẳng cắt 2đường thẳng |  |

*HS2:* Hãy nêu vị trí tương đối của 2 đường thẳng

Thế nào là 2 đường thẳng song song ?

*GV (ĐVĐ) -> vào bài*

3. Bài mới:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Ghi bảng** |
| **A.Hoạt động khởi động (4 phút)**  ***\* Mục tiêu***: Nhắc lại kiến thức hai đường thẳng song song. | | |
| GV cho HS nhắc lại kiến thức lớp 6 (SGK)  GV: Cho đường thẳng a và đường thẳng b. Muốn biết đt a có song song với đường thẳng b không ta làm như thế nào?  GV chuyển mục. | Học sinh đọc và nhắc lại kiến thức lớp 6 (SGK-90)  HS: Ước lượng bằng mắt  -dùng thước kéo dài mãi, nếu 2 đường thẳng không cắt nhau thì 2 đường thẳng song song | 1. **Nhắc lại kiến thức lớp 6**  **(SGK – 90)** |

**B.Hoạt động hình thành kiến thức**

**Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song (14 phút)**

*a, Mục tiêu*

- HS biết được điều kiện để hai đường thẳng song song

- Biết sử dụng dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song để vẽ hai đường thẳng song song.

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

* Hoạt động nhóm, cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.

*c. Sản phẩm*: Hoàn thành các yêu cầu giáo viên đặt ra

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 1:**  GV cho HS HĐ cá nhân làm ?1-sgk  Đoán xem các đường thẳng nào song song với nhau ?  H: Em có nhận xét gì về vị trí và số đo của các góc cho trước ở các hình17a, b, c?  GV giới thiệu dh nhận biết 2 đường thẳng song song, cách ký hiệu và các cách diễn đạt khác nhau  **Nhiệm vụ 2:**  HS HĐ nhóm thực hiện yêu cầu sau  GV: Dựa trên dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song hãy kiểm tra bằng dụng cụ xem a có song song với b ko?  a  b  Gv mời đại diện từng nhóm đứng tại chỗ trả lời, mời các nhóm khác nhận xét.  GV nhận xét và chính xác hóa.  Vậy muốn vẽ 2 đường thẳng song song ta làm như thế nào?  Để thực hiện yêu cầu này chúng ta sẽ trở lại trong hoạt động vận dụng | **Nhiệm vụ 1:**  HS HĐ cá nhân thực hiện ?1  Học sinh ước lượng bằng mắt nhận biết 2 đường thẳng song song  HS nhận xét về vị trí và số đo các góc cho trước ở từng hình  Học sinh đọc và phát biểu dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song  **Nhiệm vụ 2:**  Học sinh suy nghĩ, thảo luận tìm cách kiểm tra xem 2 đường thẳng có song song với nhau hay không  Đại diện từng nhóm trả lời các nhóm khác nghe và nhận xét.  HS nghe và tiếp thu  HS tỏ ra hứng thú | **2.Dấu hiệu nhận biết**  **?1**: a song song với b  d không song song với e  m song song với n  *\*Tính chất: SGK*  Ký hiệu: a // b |
| **C.Hoạt động luyện tập (5 phút)**  *a, Mục tiêu*  - HS nắm được tính chất và cách viết kỳ hiệu của hai đường thẳng song song  *b, Nội dung, phương thức tổ chức:*   * Hoạt động cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.   *c. Sản phẩm*: Hoàn thành các yêu cầu giáo viên đặt ra | | |
| yêu cầu học sinh HĐ cá nhân thực hiện bài tập 24 (sgk-91)  GV yêu cầu cá nhân trình bày kết quả các HS khác nhận xét  GV nhận xét, chính xác hóa. | HĐ cá nhân thực hiện bài tập 24  Cá nhân trưng bày kết quả các HS khác nhận xét, phản biện. |  |
| **D.Hoạt động vận dụng (10 phút).**  *a. Mục tiêu:*  - HS biết sử dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song để vẽ hai đường thẳng song song.  - Có kỹ năng sử dụng thành thạo eke để vẽ hai đường thẳng song song.  *b, Nội dung, phương thức tổ chức:*   * Hoạt động cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.   *c. Sản phẩm*:  - Hình vẽ của học sinh  - Học sinh nắm được cơ sở kiến thức của việc vẽ hai đường thẳng song song là dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song. | | |
| HS quan sát hình 18, hình 19 (SGK trang 91), làm việc cá nhân để làm ?2/SGK trang 90  - GV theo dõi, uốn nắn các HS còn lúng túng.  - Gv yêu cầu 2 HS ngồi cạnh kiểm tra chéo bài làm của bạn và rút kinh nghiệm cho bạn.  + GV nhận xét kỹ năng vẽ hình, sử dụng dụng cụ học tập.  + Tổng hợp: GV chốt cách vẽ, căn cứ của cách vẽ là dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song, đồng thời chỉ ra ngoài h.18 và h.19, HS có thể sử dụng các dụng cụ khác để vẽ hai đường thẳng song song. | - HS làm việc cá nhân để vẽ đường thẳng b đi qua điểm A và song song với đường thẳng a cho trước (A nằm ngoài đường thẳng a)  - 2 HS ngồi cạnh kiểm tra chéo bài làm của bạn và rút kinh nghiệm cho bạn. | **3.Vẽ hai đường thẳng song song:** |

**E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng: 2p**

Gv trình chiều nội dung và hình ảnh của đường ray.

Giới thiệu về “Đường ray” – là thành phần cơ bản trong giao thông đường sắt.

Tuyến đường ray gồm 2 hoặc 3 thanh ray, đặt trên các thanh tà vẹt, mỗi thanh tà vẹt được được vuôn góc với thanh ray, liên kết giữa thanh ray và tà vẹt là đinh ray (hay đinh ốc) và bản đệm. Khi đó các thanh tà vẹt sẽ giữ cố định các thanh ray, khoảng cách này gọi là khổ đường sắt, hay khổ đường ray. Ray tà vẹt được đặt trên lớp đá ba lát, các thanh tà vẹt có chức năng phân bố áp lực xuống lớp đá ba lát, rồi qua đó mà truyền xuống nền đất.

Ở những đoạn đường thẳng, các thanh ray được xem là hình ảnh của những đường thẳng song song.



**4. Củng cố (2 phút)**

Nhắc lại nội dung bài học

**5. Hướng dẫn về nhà (2 phút)**

- Học thuộc dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song

- BTVN: 25, 26 (SGK) và 21, 23, 24 (SBT)

**\* Rút kinh nghiệm tiết dạy:**

........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 07** | **LUYỆN TẬP** |

1. ***Mục tiêu:***
2. ***Kiến thức***: Học sinh thuộc và nắm chắc dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song
3. ***Kỹ năng***: Biết vẽ thành thạo đường thẳng đi qua 1 điểm nằm ngoài 1 đường thẳng cho trước và song song với đường thẳng đó

* Sử dụng thành thạo êke và thước thẳng hoặc chỉ riêng êke để vẽ 2 đường thẳng song song.

*3****) Thái độ***: - Nghiêm túc, tích cực, chủ động, độc lập và hợp tác trong hoạt động nhóm.

*4)* ***Định hướng phát triển năng lực***: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, chia sẽ.

1. ***Chuẩn bị của GV và HS:***

GV: SGK-thước thẳng-êke- máy chiếu

HS: SGK-thước thẳng-êke

1. ***Tiến trình dạy học:***

1. Ổn định tổ chức: (1p)

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ bài dạy

3. Bài mới:

**A.Hoạt động khởi động ( 2 phút)**

*a. Mục tiêu:*

- HS nhớ lại dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song.

b. Hình thức tổ chức:

- Hoạt động cá nhân, kiểm tra, đánh giá

c. Sản phẩm:

- Thực hiện đúng yêu cầu của gv

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Ghi bảng** |
| Gv nêu câu hỏi :  Nêu các dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song | HS trả lời |  |

**B. C Hoạt động luyện tập+ vận dụng ( 38 phút)**

*a. Mục tiêu:*

- HS sử dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song để vẽ hai đường thẳng song song.

- Có kỹ năng sử dụng thành thạo eke để vẽ hai đường thẳng song song.

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

- Hoạt động cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.

*c. Sản phẩm*:

- Thực hiện đúng yêu cầu của gv

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Ghi bảng** |
| **Bài tập 26:**  HS hoạt động cá nhân thực hiện bài tập 26  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài BT 26 (SGK-91)  Gọi một học sinh lên bảng vẽ hình theo cách diễn đạt của đề bài  H: Muốn vẽ một góc 1200 ta có những cách nào ?  Mời 1 số hs khác nhận xét  Gv nhận xét và chính xác hóa.  **Bài tập 27:**  HS hoạt động cá nhân thực hiện bài tập 27  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài BT 27 (SGK-91)  Bài tập cho biết điều gì? Yêu cầu điều gì?  Muốn vẽ AD // BC ta làm như thế nào ?  Muốn có AD = BC ta làm như thế nào ?  GV gọi một học sinh lên bảng vẽ hình như đã hướng dẫn  H: Ta có thể vẽ được mấy đoạn AD như vậy ?  GV gọi một học sinh lên bảng xác định điểm D’ trên hình vẽ  **Bài tập 28:**  HS hoạt động nhóm đôi thực hiện bài tập 28  Sau đó kiểm tra vòng tròn rồi báo cáo nhóm trưởng  *GV yêu cầu 3 nhóm làm xong nhanh nhât đính bài làm trên bảng, các nhóm khác nhận xét, phản biện.*  *Gv nhận xét tổng hợp*  **Bài tập 29:**  HS hoạt động cá nhân thực hiện bài tập 289  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài và làm BT 29 (SGK-92)  H: Đề bài cho biết điều gì? Yêu cầu làm gì ?  GV yêu cầu một học sinh lên bảng vẽ góc xOy và điểm O’  H: Có mấy vị trí điểm O’ đối với góc xOy ?  Gọi một học sinh khác lên bảng vẽ góc x’O’y’ sao cho  và  Hãy dùng thước đo góc kiểm tra xem  và  có bằng nhau không?  GV kết luận. | HĐ cá nhân thực hiện bt 26  Một học sinh đứng tại chỗ đọc đề bài BT 26 (SGK)  Một học sinh lên bảng vẽ hình và trả lời câu hỏi SGK  HS: +Thước đo góc  + êke (có góc 600)  Hs nhận xét  HĐ cá nhân thực hiện bt 27  Học sinh đọc đề bài BT 27  HS: Cho  Yêu cầu: Qua A vẽ đoạn thẳng AD // BC và AD = BC  Học sinh nêu cách vẽ đoạn thẳng AD  Một học sinh lên bảng vẽ hình  HS còn lại vẽ hình vào vở  HS: Ta có thể vẽ được 2 đoạn thẳng AD như vậy  Một học sinh lên bảng xác định điểm D’  HĐ nhóm đôi thực hiện bt 28  Nhóm trưởng phân công đổi bài kiểm tra theo vòng tròn.  Báo cáo nhóm trưởng kết quả  Giải thích được cách làm bài của mình  HĐ cá nhân thực hiện bt 29  Học sinh đọc đề bài BT 29  HS: Cho góc nhọn xOy và điểm O’  Y/cầu: Vẽ góc nhọn x’O’y’ có ;  + So sánh  và  Lần lượt hai học sinh lên bảng vẽ hình theo yêu cầu của GV  Một học sinh khác lên bảng dùng thước đo góc kiểm tra xem  và  có bằng nhau không? | **Bài 26 (SGK)**  Ax // By (cặp góc so le trong bằng nhau)  **Bài 27 (SGK)**  ***Cách vẽ:***  - Qua A vẽ đường thẳng song song với BC  - Trên đường thẳng đó lấy điểm D sao cho AD = BC  **Bài 28 (SGK)**  ***Cách vẽ***:  - Vẽ đường thẳng xx’  - Lấy . Qua B vẽ đường thẳng  - Lấy điểm . Qua A vẽ đường thẳng  Ta có:  **Bài 29 (SGK)**  Cho  và  có: ;  Ta có:  = |

**4. Củng cố(2p):**

- GV yêu cầu HS nhắc lại dấu hiệu nhận biết 2 đường thẳng song song

**5. Hướng dẫn về nhà (2 phút)**

- Xem lại các bài tập đã chữa

- BTVN: 30 (SGK) và 24, 25, 26 (SBT-78)

- Làm BT 29: Bằng suy luận khẳng định  và  cùng nhọn có  và  thì  = 

**\* Rút kinh nghiệm tiết dạy:**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................

*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 08** | **TIÊN ĐỀ ƠCLIT VỀ ĐƯƠNG THẲNG SONG SONG** |

1. ***Mục tiêu:***
2. ***Kiến thức***: Hiểu được nội dung tiên đề Ơclít là công nhận tính duy nhất của đường thẳng b đi qua M  sao cho b // a

- Hiểu rằng nhờ có tiên đề Ơclít mới suy ra được tính chất của 2 đường thẳng song song

***2) Kỹ năng***: Rèn kỹ năng tính số đo góc khi biết số đo của một góc dựa vào tính chất của hai đường thẳng song song.

*3****) Thái độ***: - Nghiêm túc, tích cực, chủ động, độc lập và hợp tác trong hoạt động nhóm.

*4)* ***Định hướng phát triển năng lực***: Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, chia sẽ.

1. ***Chuẩn bị của GV và HS:***

GV: SGK-thước thẳng-thước đo góc-máy chiếu

HS: SGK-thước thẳng-thước đo góc

1. ***Tiến trình dạy học:***

1. Ổn định tổ chức: (1p)

2. Kiểm tra bài cũ: xen kẽ bài dạy

3. Bài mới:

**A, B. Hoạt động khởi động, Hoạt động hình thành kiến thức (30 phút)**

*a. Mục tiêu:*

- Học sinh nắm được nội dung của tiên đề Ơclit, hiểu được tính chất hai đường thẳng song song.

- HS biết sử dụng tiên đề Ơclit và tính chất hai đường thẳng song song để giải bài tập.

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

- Hoạt động nhóm, cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.

*c. Sản phẩm*:

- Thực hiện đúng yêu cầu giáo viên đặt ra.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của thầy** | **Hoạt động của trò** | **Ghi bảng** |
| **Hoạt động 1: Tiên đề Ơclit (10 phút)** | | |
| **Nhiệm vụ 1:**  HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau:  - Vẽ vào vở một đường thắng a và điểm M a  - Vẽ một đường thẳng b//a mà b đi qua A  - Sau khi vẽ song, mời bạn bên cạnh làm lại  - Có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng a như thế  - GV theo dõi, uốn nắn, giúp đỡ.  - GV kiểm tra xác suất một số em.  - Mời 1 số HS báo cáo kết quả  - Nhận xét: GV nhận xét quá trình làm việc của học sinh : về cách vẽ hình vẽ thu được, về phần nhận xét rút ra:  - Tổng hợp: GV chốt nội dung: Qua 1 điểm ở ngoài 1 đường thẳng , có một và chỉ một đường thẳng song song với đường thẳng đó . | **Nhiệm vụ 1:**  - HS làm việc cá nhân theo yêu cầu.  - HS kiểm tra chéo kết quả của nhau  - Đại diện một số HS báo cáo kết quả  Hs lắng nghe và tiếp thu  Hs ghi nhận tính chất và ghi bài vào vở. | ***1.Tiên đề Ơclit***  , b đi qua M và b// a là duy nhất  *Tính chất: SGK* |

**Hoạt động 2: Tính chất của hai đường thẳng song song (15 phút)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nhiệm vụ 2:**  GV cho học sinh làm ? (SGK) theo nhóm.  Sau đó kiểm tra vòng tròn rồi báo cáo nhóm trưởng  *GV yêu cầu 3 nhóm làm xong nhanh nhât đính bài làm trên bảng, các nhóm khác nhận xét, phản biện.*  *Gv nhận xét tổng hợp*  Qua bài tập trên em rút ra nhận xét gì ?  Hãy kiểm tra xem 2 góc trong cùng phía có quan hệ với nhau như thế nào ?  GV giới thiệu tính chất hai đường thẳng song song  H: Tính chất này cho điều gì? và suy ra điều gì ?  GV kết luận. | **Nhiệm vụ 2:**  Hs hoạt động cá nhân theo nhóm làm ? (SGK-93)  Nhóm trưởng phân công đổi bài kiểm tra theo vòng tròn.  Báo cáo nhóm trưởng kết quả  Giải thích được cách làm bài của mình  Học sinh nhận xét được:  + Hai góc so le trong bằng nhau  + Hai góc đồng vị bằng nhau  Học sinh rút ra nhận xét  HS: Hai góc trong cùng phía bù nhau  Học sinh phát biểu tính chất  HS: Cho: 1 đt cắt 2 đt song2  Suy ra: các cặp góc SLT, các cặp góc đồng vị bằng nhau  2 góc trong cùng phía bù nhau | **2.Tính chất 2 đt song song**    ***\*Tính chất: SGK*** |

**C. D Hoạt động luyện tập, vận dụng ( 10 phút)**

*a. Mục tiêu:*

- HS áp dụng được tính chất hai đường thẳng song song để giải bài tập.

*b, Nội dung, phương thức tổ chức:*

- Hoạt động nhóm, cá nhân, tự kiểm tra, đánh giá.

*c. Sản phẩm*:

- Thực hiện đúng yêu cầu giáo viên đặt ra.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| BT 34 sgk  - Yêu cầu hs hoạt động nhóm đôi làm bài tập vào vở  GV yêu cầu học sinh đọc đề bài và quan sát h.22 (SGK)  GV vẽ hình 22 lên bảng  Yêu cầu HS tóm tắt đề bài dưới dạng cho và tìm  Hãy tính  H: So sánh  và ?  Dựa vào kiến thức nào để tính số đo  ?  - Gọi HS lên bảng thực hiện  - Dưới lớp làm xong đổi vở kiểm tra theo cặp đôi  - Báo cáo nhóm trưởng -> báo cáo gv  - Nhận xét, đánh giá.  GV nêu BT 32  Yêu cầu hs HĐ cá nhân  H: Phát biểu nào diễn đạt đúng nội dung của tiên đề Ơclit ?  Gv nhận xét, chỉnh sửa | Hs thực hiện hoạt động nhóm.  Học sinh đọc đề bài BT 34, quan sát h.22 (SGK)  Học sinh vẽ hình vào vở  Học sinh tóm tắt bài toán  Học sinh suy nghĩ, thảo luận tính toán số đo các góc và trả lời câu hỏi bài toán  - Hs lên bảng thực hiện  - Dưới lớp làm xong đổi vở kiểm tra theo cặp đôi báo cáo nhóm trưởng -> báo cáo gv  HS hoạt động cá nhân.  Học sinh đọc kỹ nội dung các phát biểu, nhận xét đúng sai  Đại diện học sinh đứng tại chỗ trả lời miệng BT | **Bài 34** Cho  a)Ta có:  (cặp góc so le trong)  b) Ta có:    Mà  (đồng vị)  c)  (so le trong)  **Bài 32** Phát biểu nào đúng?  a) Đúng  b) Đúng  c) Sai  d) Sai |

**D.Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 2 phút)**

Đọc mục “ Có thể em chưa biết”

**4.Củng cố (2 phút)**

Nhắc lại nội dung bài học

**5.Hướng dẫn về nhà (2 phút)**

- Xem lại các bài tập đã chữa

- BTVN: 31, 35 (SGK) và 27, 28, 29 (SBT-78, 79)

**\* Rút kinh nghiệm tiết dạy:**

.............................................................................................................................................................................................................................................................................................................

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 09** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

Học sinh nắm vững được nội dung tiên đề Ơclít là công nhận tính duy nhất của đường thẳng  đi qua (  sao cho  ), củng cố được tính chất của 2 đường thẳng song song suy ra được là dựa vào tiên đề Ơ-clít.

**2. Kỹ năng:**

- HS biết cách kiểm tra hai đường thẳng song song với nhau,

- Tính được số đo góc dựa vào tính chất hai đường thẳng song song

**3. Thái độ:**Rèn thái độ cẩn thận, chính xác, trình bày khoa học. Nghiêm túc khi học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **C. Hoạt động luyện tập (24 phút)**  Mục đích: Luyện tập các kĩ năng tính góc dựa vào tính chất hai đường thẳng song song; chứng minh hai đường thẳng song song.  Phương pháp: Vấn đáp, giải quyết vấn đề, hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi. | | |
| **Bài tập 1: Bài 34 (SGK/94)**  **Bài 34a:**  - Yêu cầu HS làm việc cá nhân làm bài vào vở.  - Gọi HS lên bảng thực hiện  - Gọi HS nhận xét và chốt lại.  **Bài 34b:**  - Nhận xét góc  và  là hai góc như thế nào?  - Hai góc đồng vị thì như thế nào với nhau?  - Từ đó rút ra kết luận gì về hai góc và ?  **Bài 34c:** Hoạt động cặp đôi.  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm cần thiết.  - Các nhóm báo cáo kết quả cho GV. Đại diện 1 nhóm lên trình bày bài. GV nhận xét, đánh giá kết quả, hoạt động của các nhóm.  - Ngoài cách trên chúng ta còn có thể tính  bằng cách khác không? Chỉ rõ?  **Bài tập 2:**  - GV yêu cầu HS xác định yêu cầu bài toán.  - Hai đường thẳng song song với nhau khi nào?  - Để biết, ta dựa vào cặp góc nào?  - Tính tổng số đo 2 góc trên.  - Làm thế nào tính được số đo góc ?  **Bài tập 3:**  - GV ghi sẵn đề trên bảng phụ.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm bài tập 2.  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm cần thiết  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm. | - HS hoạt động cá nhân, làm bài 34a vào vở.  - HS lên bảng thực hiện tính.  - HS nhận xét bài làm của bạn  - HS quan sát và nhận xét vị trí của góc.  - HS trả lời: Hai góc đồng vị thì bằng nhau  - Ta có  - HS trao đổi, thảo luận thực hiện bài 34c.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  - HS suy nghĩ trả lời  - HS ghi lại đề, xác định các yêu cầu của bài toán.  - Khi 1 đường thẳng cắt 2 đường thẳng tạo ra 1 cặp góc so le trong bằng nhau; một cặp góc đồng vị bằng nhau hoặc có 1 cặp góc trong cùng phía bù nhau.  - Dựa vào và .  - Có  - vì hai góc này so le trong.  - HS trao đổi thảo luận, tìm cách giải bài tập, trình bày bài vào bảng nhóm.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả của nhóm.  - Nhận xét chéo kết quả giữa các nhóm.  - HS hoàn thành bài vào vở. | **Bài tập 1: Bài 34 (SGK/94)**  a) Vì  nên ta có:  (vì hai góc so le trong).  b) Vì  và  là hai góc đồng vị nên .  c) Vì và  là hai góc kề bù nên ta có:    **Bài tập 2:** Cho hình vẽ. Biết .  a) Đường thẳng  có song song với đường thẳng  không? Vì sao?  b) Tính số đo góc?  ***Giải:***  a) Ta có:  Mà  và  là hai góc trong cùng phía.  Do đó,  (theo t/c 2 đt song song).  b) Ta có (vì hai góc so le trong)  **Bài tập 3:**Cho hình vẽ, biết ; .  Tính  ***Giải:***  Vì  nên ta có  (hai góc đồng vị)  Vì nên ta có (hai góc so le trong) |
| **D,E. Hoạt động vận dụng, tìm tòi, mở rộng (20phút)**  ***Mục tiêu:*** Vận dụng các kiến thức để chứng minh 2 đường thẳng song song (có kẻ thêm đường phụ). Khuyến khích HS tìm tòi, phát hiện một số tình huống, bài toán liên quan.  ***Phương pháp***: Hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi. | | |
| **Bài tập 4:**  - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân, thực hiện bài tập 3a.  - Tính  ta làm như thế nào?  - Gọi HS lên bảng thực hiện.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét và cho điểm khuyến khích HS.  - Bài 3b, GV chuyển giao nhiệm vụ tương tự như trên  **Bài tập 5:**(Dành cho HS khá, giỏi)  - GV cho HS hoạt động cặp đôi, thảo luận tìm cách chứng minh.  GV có thể gợi ý cho HS:  - Đường thẳng  và  có song song với nhau không? Vì sao?  - Đường thẳng  có vuông góc với đường thẳng m không? Vì sao?  - Hai đường thẳng và có song song với nhau không? Vì sao?  - Dặn dò HS: Chuẩn bị bài từ vuông góc đến song song. | - HS hoạt động cá nhân, thực hiện bài tập vào vở.  - Dựa vào hai góc trong cùng phía là  và  - HS lên bảng thực hiện.  - Các bạn khác quan sát bài của bạn và nhận xét.  - Hoàn thành 3a vào vở.  - HS làm tương tự.  - HS trao đổi thảo luận  - Ta có  vì có 1 cặp góc đồng vị bằng nhau.  - Vì nên .  Do đó  - Vì nên . | **Bài tập 4:** Cho hình vẽ, biết  và . Tính và ?  \****Giải:***  a) Vì  và  là 2 góc trong cùng phía nên ta có:    b) Vì  và  là hai góc đồng vị nên  **Bài tập 5:**Cho hình vẽ, biết . Chứng minh và ?  ***Giải:***  Vì  mà chúng ở vị trí đồng vị nên .  Vì nên .  Vì mà chúng ở vị trí đồng vị nên . |

\* **Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………...**

**………………………………………………………………………………………………………………………………**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 10** | **TỪ VUÔNG GÓC ĐẾN SONG SONG** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Biết được quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song của hai đường thẳng

- Biết tính chất bắc cầu của hai đường thẳng song song

**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng các kiến thức để chứng minh hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song

**3. Thái độ:** Rèn thái độ cẩn thận, chính xác, trình bày khoa học. Nghiêm túc khi học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động và hình thành kiến thức (18 phút)**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song**  ***Mục tiêu:***Hiểu được mối quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song của hai đường thẳng.  ***Phương pháp:***Hoạt động cá nhân, vấn đáp, gợi mở. | | |
| - Y/c HS hoạt động cá nhân, hoàn thành ?1 vào vở.  - Dẫn dắt HS từ ?1 vào tính chất.  - Nếu có  và thì điều  và  như thế nào với nhau?  - Khi đó ta có tính chất.  - Vẽ hình minh họa.  - Áp dụng: Yêu cầu HS làm ví dụ (Ghi trên bảng phụ).  - GV gọi HS lên bảng trình bày.  - GV nhận xét, cho điểm. | - HS làm việc cá nhân, thực hiện ?1 vào vở.  - HS lắng nghe, tiếp thu bài.  - HS suy nghĩ trả lời: .  - HS hoạt động cá nhân suy nghĩ làm bài.  - HS lên bảng trình bày.  - Nhận xét bài của bạn.  - HS hoàn thành bài vào vở. | **1. Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song.**  ?1.  a) Dự đoán:  b) Đường thẳng  cắt hai đường thẳng  và , tạo ra hai góc so le trong bằng nhau, cùng bằng  nên  **\* Tính chất:** (SGK/96)  + Nếu  và  nên  + Nếu  và  nên  **\* Áp dụng:** Cho hình vẽ, chứng minh  ***Giải:***  Vì  và  nên |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu về ba đường thẳng vuông góc**  ***Mục tiêu:*** Hiểu được thế nào là ba đường thẳng vuông góc  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm, thuyết trình. | | |
| - Yêu cầu HS hoạt động nhóm, thực hiện bài tập sau:  Cho hình vẽ, biết . Hỏi  có song song với không? Vì sao?  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả, nhận xét bài của nhóm bạn.  - GV nhận xét và đánh giá.  - GV giới thiệu về ba đường thẳng song song. | - HS trao đổi thảo luận trình bày vào bảng nhóm.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả. Nhận xét chéo các nhóm.  - HS hoàn thành bài vào vở.  - HS lắng nghe. | **2. Ba đường thẳng song song**  ?2  Vì  và nên  Lại có  và  nên  Vì  và  nên  \* **Tính chất (SGK/97)**  Nếu và  thì  Kí hiệu:  . |
| **C. Hoạt động luyện tập (10 phút)**  ***Mục tiêu:*** Luyện tập chứng minh hai đường thẳng vuông góc hoặc song song, tính các góc dựa vào tiên đề Ơclit.  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm | | |
| - GV vẽ hình ra bảng phụ  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm suy nghĩ tìm cách giải  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm cần thiết.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả. Nhận xét chéo kết quả các nhóm.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm. | - HS trao đổi thảo luận, trình bày bài vào bảng nhóm.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả. Nhận xét chéo các nhóm.  - HS hoàn thành bài vào vở. | **Bài tập 46 (SGK/98)**  a) Vì  và  nên.  b) Vì nên  là hai góc trong cùng phía. Do đ |
| **D. Hoạt động vận dụng (10 phút)**  ***Mục tiêu:***Vận dụng các kiến thức liên quan để chứng minh hai đường thẳng song song.  ***Phương pháp***: Vấn đáp, hoạt động cá nhân, luyện tập thực hành. | | |
| **Bài tập 1:**  - Làm thế nào chứng minh được ?  GV gợi ý: Kẻ thêm 1 đường thẳng nữa.  - GV cho HS hoạt động nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm cần thiết.  - GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.  - Nhận xét, đánh giá kết quả hoạt động của các nhóm  - GV có thể ra bài toán tương tự như: Cho hình vẽ,biết  Tính ? | - HS suy nghĩ trả lời.  - Kẻ thêm đường thẳng qua O và song song với .  - Các nhóm trao đổi thảo luận, tìm cách giải bài toán; trình bày bài vào bảng phụ  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả. Nhận xét chéo giữa các nhóm.  - HS về nhà làm. | **Bài tập 1:** Cho hình vẽ,biết  Chứng minh rẳng  ?  ***Giải:***  Kẻ tia , ta có (vì so le trong)  Vì tia  nằm giữa 2 tia và nên      Do đó  mà chúng ở vị trí so le trong. Nên  Vậy . |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (6 phút)**  ***Mục tiêu:*** Khuyến khích HS tìm tòi, phát hiện những vật dụng, tình huống, bài toán có liên quan đến bài học  ***Phương pháp***: Hoạt động cá nhân. | | |
| - Quan sát xung quanh em và chỉ ra những hình ảnh liên quan đến một đường thẳng vuông góc với hai đường thẳng song song.  - Dặn dò HS: Làm bài tập 47 SGK/ 98. | - Quan sát và trả lời  Ví dụ: chấn song cửa sổ; các bóng đèn trong lớp; cái thang,… |  |

\* **Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………...**

**………………………………………………………………………………………………………………………………**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 11** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Nắm vững các tính chất, mối quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song.

**2. Kỹ năng:**

**-** Rèn kĩ năng vẽ hình, chứng minh hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song, tính số đo góc.

**3. Thái độ:** Rèn thái độ cẩn thận, chính xác, trình bày khoa học. Nghiêm túc khi học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **C. Hoạt động luyện tập (24 phút)**  ***Mục tiêu:*** Luyện tập các kĩ năng chứng minh hai đường thẳng vuông góc hoặc song song; tính số đo góc.  ***Phương pháp:****Vấn đáp, luyện tập thực hành, hoạt động nhóm.* | | |
| **Bài tập 1: Bài 47 (SGK/98)**  - Yêu cầu HS nhắc lại 2 tính chất về quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song.  - Dự đoán  bao nhiêu độ? Giải thích vì sao?  - Gọi HS lên trình bày.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét và kết luận.  - Để tính  ta làm như thế nào?  **Bài tập 2:**  - GV ghi đề trên bảng phụ  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm.  - GV quan sát, hỗ trợ các nhóm cần thiết.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả và nhận xét chéo giữa các nhóm.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm. | - HS nhắc lại và viết biểu thức lên bảng.  - vì và .  - 1 HS lên bảng làm, các bạn ở dưới tự hoàn thành bài vào vở.  - HS nhận xét bài của bạn  - Dựa vào hai góc trong cùng phía là  và  - HS trao đổi, thảo luận tìm cách giải và trình bày bài vào bảng nhóm.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - Nhận xét chéo giữa các nhóm.  - Hoàn thành bài vào vở. | **Bài tập 1: Bài 47 (SGK/98)**  a) Vì và nên .  Do đó .  b) Ta có  (góc trong cùng phía)    **Bài tập 2:** Cho hình vẽ, biết ;  và . Tính  ?  ***Giải:***  Vì  và nên .  Khi đó  và  là hai góc trong cùng phía.  Nên |
| **D. Hoạt động vận dụng (12 phút)**  ***Mục tiêu:***Biết vận dụng các kiến thức để chứng minh hai đường thẳng vuông góc hoặc song song; tính số đo góc  ***Phương pháp***: Nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động cá nhân. | | |
| **Bài tập 3:**  - GV ghi đề trên bảng phụ.  - Yêu cầu HS nêu cách giải.  - Khi đó xuất hiện những loại góc nào?  - HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài vào vở.  - Gọi HS lên bảng trình bày.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, cho điểm khuyến khích HS. | - HS suy nghĩ trả lời: kẻ thêm 1 đường thẳng đi qua  và song song với .  - Góc so le trong và góc trong cùng phía.  - HS hoạt động cá nhân.  - 1 HS lên trình bày. Các HS khác tiếp tục làm bài và quan sát bài bạn để nhận xét.  - HS nhận xét bài làm của bạn.  - HS hoàn thành bài vào vở. | **Bài tập 3:** Cho hình vẽ, biết .  Tính ?  ***Giải:***  Kẻ .  Vì  nên  (hai góc so le trong)  Vì  nên  (hai góc trong cùng phía)    Vì  nằm giữa hai tia  và  nên |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng (8 phút)**  ***Mục tiêu:***Khuyến khích HS tìm tòi các bài toán ứng dụng thực tế, các bài tập mở rộng, rèn luyện các kĩ năng như suy luận, vẽ hình,…  ***Phương pháp***: Tư duy sáng tạo, hoạt động cặp đôi (Áp dụng cho HS khá giỏi) | | |
| **Bài tập 4:**  - Gv in sẵn hình vẽ của bài tập, phát cho các nhóm.  - Yêu cầu HS hoạt động cặp đôi, suy nghĩ tìm cách giải bài toán.  - GV gợi ý: Kẻ đường thẳng vuông góc với đường thẳng  nhưng không đi qua A.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá  - Dặn dò HS: Chuẩn bị bài định lí. | - HS trao đổi, thảo luận nhóm đôi, tìm lời giải thích hợp.  - Đại diện nhóm báo cáo kết quả.  - HS hoàn thành vào vở. | **Bài tập 4:** Dùng êke vẽ đường thẳng  đi qua điểm  và vuông góc với đường thẳng  (Lưu ý: Chỉ vẽ hình trong phạm vi tờ giấy).  ***Giải:***  - Lấy điểm  tùy ý trên đường thẳng . Dùng êke kẻ đường thẳng vuông góc với tại .  - Vẽ đường thẳng  đi qua điểm và song song với đường thẳng .  - Khi đó ta được |

\* **Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………...**

**………………………………………………………………………………………………………………………………**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 12** | **ĐỊNH LÍ** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Biết cấu trúc của một định lí (GT, KL). Biết cách chứng minh một định lí.

**2. Kỹ năng:**

- Biết đưa một định lí về dạng “Nếu … thì ...”. Làm quen với mệnh đề Lôgic: p⇒q

**3. Thái độ:** Rèn thái độ cẩn thận, chính xác, trình bày khoa học. Nghiêm túc khi học tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động (5 phút)**  ***Mục tiêu:***Giúp HS làm quen với câu có dạng “Nếu … thì …”  ***Phương pháp:***Tổ chức trò chơi | | |
| - Yêu cầu HS hoạt động nhóm, đối đáp với nhau. Một bạn của nhóm này đọc “Nếu …” , các nhóm khác sẽ điền tiếp vào câu sau “thì …”.  Ví dụ: Nếu chuồn chuồn bay thấp thì trời mưa”.  - Điền tiếp vào các câu sau:  “Nếu hai góc đối đỉnh thì …”  “Nếu hai đường thẳng cùng … thì chúng song song” | - HS trao đổi, thực hiện yêu cầu của GV.  - Nhớ lại kiến thức đã học để điền vào chỗ trống. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Tìm hiểu về định lí (10 phút)**  ***Mục tiêu***: Hiểu được thế nào là một định lí, biết phát biểu định lí, biết cấu trúc của một định lí.  ***Phương pháp:***Vấn đáp, hoạt động cá nhân. | | |
| - Từ hoạt động khởi động, GV giới thiệu về định lí.  - Câu “ Có một và chỉ một đường thẳng đi qua một điểm và vuông góc với một đường thẳng cho trước” có phải là định lí không?  - Yêu cầu HS lấy ví dụ.  - Từ ví dụ, GV chỉ rõ cho HS thấy cấu trúc của một định lí.  - Yêu cầu HS thực hiện ?2 | - HS lắng nghe  - Không.  - HS lấy ví dụ.  - HS quan sát.  HS hoạt động cá nhân thực hiện ?2. | **1. Định lí**  - Định lí là một khẳng định được suy ra từ những khẳng định đúng.  Ví dụ: Ta có định lí: “Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau”  - Một định lí gồm 2 phần:  + Giả thiết (GT)  + Kết luận (KL)  ?2.  a) GT: hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba  KL: Chúng song song với nhau.  b)   |  |  | | --- | --- | | GT | ; | | KL |  | |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu cách chứng minh một định lí(8 phút)**  ***Mục tiêu:***Biết cách chứng minh một định lí.  ***Phương pháp:***Vấn đáp, nêu vấn đề, hoạt động cá nhân. | | |
| - GV giới thiệu khái niệm chứng minh định lí.  - Yêu cầu HS vẽ hình minh họa định lí, ghi GT, KL của định lí.  - Ta cần chứng minh góc nào bằng nhau?  - Yêu cầu HS nêu cách chứng minh .  - Gọi HS lên bảng trình bày.  - Gọi HS nhận xét.  - GV nhận xét, cho điểm.  - Bằng cách tương tự, yêu cầu HS tự hoàn thành chứng minh . | - HS lắng nghe.  - HS vẽ hình và ghi GT, KL.  - Chứng minhvà .  - HS suy nghĩ trả lời.  - 1 HS lên trình bày bài.  - 1 HS nhận xét.  - HS hoàn thành bài vào vở.  - HS hoạt động cá nhân, hoàn thành bài. | **2. Chứng minh định lí**  - Chứng minh định lí là dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.  - **Ví dụ 1:** Chứng minh định lí: “Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau”   |  |  | | --- | --- | | GT | ; đối đỉnh ;  đối đỉnh | | KL | và |   Ta có  (hai góc kề bù)  Cũng có (hai góc kề bù)  Khi đó,  .  Chứng minh tương tự ta cũng có . |
| **C. Hoạt động luyện tập (18 phút)**  ***Mục tiêu:*** Luyện tập cách chứng minh định lí  ***Phương pháp:*** Hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm | | |
| - Yêu cầu HS xác định GT, KL của định lí.  - Yêu cầu HS vẽ hình minh họa.  Chứng minh  ta làm như thế nào?  - Yêu cầu HS hoạt động cá nhân chứng minh định lí.  - GV nhận xét, đánh giá.  - Yêu cầu HS nêu GT, KL của định lí.  - Yêu cầu HS vẽ hình minh họa.  - Yêu cầu HS hoạt động nhóm hoàn thành yêu cầu đưa ra.  - GV gợi ý: Sử dụng tính chất hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh.  - Yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.  - GV nhận xét, đánh giá hoạt động của các nhóm. | - HS nêu GT, KL của định lí.  - HS thực hiện vẽ hình.  - Dựa vào các góc so le trong, đồng vị, trong cùng phía theo tiên đề Ơclit.  - HS hoạt động cá nhân chứng minh định lí.  - HS hoàn thiện bài vào vở.  - HS nêu GT, KL của định lí.  - HS thực hiện vẽ hình.  - HS hoạt động nhóm, suy nghĩ, thảo luận tìm cách giải bài toán.  - Đại diện các nhóm báo cáo, nhận xét chéo giữa các nhóm.  - HS hoàn thiện bài vào vở. | **- Ví dụ 2:** Chứng minh định lí: “Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng khác thì chúng song song với nhau”.  ***Giải:***  Vì  tại nên .  Lại có  tại  nên  Do đó . Mà chúng ở vị trí đồng vị nên  **- Ví dụ 3:** Chứng minh định lí:  “Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng phân việt sao cho có một cặp góc so le trong bằng nhau thì các góc đồng vị bằng nhau”.  ***Giải:***  - Ta có (2 góc đối đỉnh)  Mà (gt) nên  - Tương tự ta có.  - Vì  và là 2 góc kề bù nên  Tương tự:  Mà .Nên .  - Chứng minh tương tự ta có |
| **D. Hoạt động vận dụng và tìm tòi mở rộng (3 phút)**  ***Mục tiêu:***Khuyến khích HS tìm tòi, phát hiện các tình huống, bài toán thực tế liên quan đến nội dung bài học.  ***Phương pháp***: Tư duy sáng tạo, hoạt động cặp đôi. | | |
| - Nêu một vài hiện tượng có trong thực tiễn mà có thể phát biểu ở dạng “Nếu … thì …” (Liên quan đến học tập)  - Dặn dò HS: Ôn tập lại cách chứng minh định lí. | - HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi để trao đổi, chia sẻ, góp ý với nhau. |  |

\* **Rút kinh nghiệm: …………………………………………………………………………………………………...**

**………………………………………………………………………………………………………………………………**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 13** | **LUYỆN TẬP** |

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Học sinh biết diến đạt định lí dưới dạng “Nếu ... thì…”.

- Biết minh hoạ một định lí trên hình vẽ và viết GT,KL bằng kí hiệu.

- Bước đầu biết chứng minh.

**2. Kỹ năng**

- Rèn kỹ năng ghi GT, KL, kỹ năng chứng minh.

**3. Thái độ**

- Có thái độ học tập tốt, yêu thích môn học và tích cực vận dụng.

**4. Năng lực :**Tự học, nêu và giải quyết vấn đề, thực hành, hợp tác nhóm, giao tiếp, chia sẻ.

**II. Chuẩn bị**

1. GV: Thước thẳng, êke.

2. HS: Thước thẳng, êke.

**III**. **Phương pháp:** Tư duy suy luận, trao đổi nhóm, phân tích, nêu và giải quyết vấn đề, áp dụng thành tố tích cực của mô hình trường học mới...

**IV. Kế hoạch dạy học:**

**1.** **Ổn định tổ chức:** (1’) GV gọi lớp trưởng báo cáo sĩ số, lớp phó báo cáo việc chuẩn bị sách vở của các bạn trong lớp.

**2. Kiểm tra bài cũ: 5 phút**.

HS1: Thế nào là định lí ?. Định lí có mấy phần ? GT, KL là gì ?

Chữa bài tập 50/101 SGK.

HS2: Thế nào là chứng minh định lí ? Chữa bài tập 52/10.

**3. Tổ chức các hoạt động dạy học:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG 10 phút**

*Mục đích:* Nhớ lại các tính chất trong chương đã học: Tính chất quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song, tính chất 3 đường thẳng song song, …

*Phương pháp:* Hoạt động cá nhân, tự kiểm tra đánh giá, làm việc theo nhóm

*Sản phẩm:* Hoàn thành yêu cầu của GV

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| GV: Gọi 2 HS lên bảng làm việc cá nhân chữa bài ở phần kiểm tra bài cũ  Sau khi HS chữa xong bảng, GV gọi HS khác nhận xét và chữa hoàn chỉnh và kiểm tra kết quả của 1 nhóm nhanh nhất.  - GV xác nhận HS làm bài đúng hoặc hướng dẫn trợ giúp. | - 2 HS lên bảng làm việc cá nhân, dưới lớp làm việc cá nhân  HS làm cá nhân bài 1  HS hoạt động nhóm bài 52  - Nhóm trưởng đổi bài kiểm tra theo vòng tròn trong bàn. | I. Chữa bài tập  1. Bài 50/101  a) thì chúng song song với nhau  b)  2. Bài 52/101    GT Ô1 đối đỉnh Ô3  KL Ô1 = Ô3  Chứng minh  Ta có Ô1 + Ô2= 1800 ( 2 góc kề bù) (1)  Ô3 + Ô2 = 1800 ( 2 góc kề bù) (2)  Từ (1), (2) => Ô1 = Ô3 |

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC 20 phút**

Mục đích: Hiểu và làm được các bài tập để chứng minh các định lí, tính số đo góc Hình thức tổ chức: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm, hoạt động chung cả lớp.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GV: Cho HS làm bài tập sau  ? Vẽ hình, ghi GT, KL các định lí sau bằng kí hiệu ?  a) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì: hai góc so le trong bằng nhau, hai góc đồng vị bằng nhau, hai góc trong cùng phía bù nhau.  b) Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song thì cũng vuông góc với đường thẳng kia.  c) Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.  d) Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng mà trong các góc tạo thành có một cặp góc sole trong bằng nhau, hoặc một cặp góc đồng vị bằng nhau thì hai đường thẳng đó song song với nhau.  GV: Cho HS thảo luận, sau đó gọi 4 HS lên bảng làm.  GV: Cho HS làm bài tập 53/102 SGK.  chỗ trống | 3 HS lên bảng làm bài  HS dưới lớp làm vào vở  HS nhận xét bài của các bạn trên bảng, đánh giá cho điểm khuyến khích.  Gọi HS đọc đề bài  Gọi HS khác điền vào  HS dưới lớp theo dõi  1 HS lên bảng làm câu a, b | II. Luyện tập  1. Bài 1  a) c cắt a tại A  GT c cắt b tại B  a // b    KL      b)  GT a // b    KL  c)  d)  c cắt a tại A  GT c cắt b tại B    Hoặc  KL a // b  2. Bài 2 (Bài 53/102)    xx’ cắt yy’ tại O  GT    KL    Điền  1) Vì 2 góc kề bù  2) vào (1)  3) vào (2)  4) Vì 2 góc đối đỉnh  5) GT  6) hai góc đối đỉnh  7) (3)  d) Có (2 góc KB )  Mà  (GT)    ( 2 góc đối đỉnh)  ( 2 góc đối đỉnh) |

**C. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ LUYỆN TẬP 10 phút**

Mục tiêu: Học sinh được củng cố lại các kiến thức hai góc đối đỉnh, hai đường thẳng vuông góc, hai đường thẳng song song.

Hình thức chức hoạt động: GV Cho HS nghiên cứu làm bài tập ở nhà.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GV ra bài tập  BT: Cho định lí: *Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng phân biệt và trong số các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì các góc đồng vị bằng nhau.*  a/ Hãy cho biết GT, KL của định lí đó.  b/ Hãy chứng minh định lí đó. | HS nghiên cứu bài tập  HS nêu GT, KL  1HS vẽ hình minh họa cho định lí.  1 HS lên bảng trình bày ý a)  b) HS tại chôc nêu cách c/m ý b. |  |

**D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI, MỞ RỘNG 3 phút**

Mục tiêu: Khuyến khích Hs tìm tòi phát hiện 1 số tình huống thực tế và 1 số kĩ năng khác đã có.

Hình thức hoạt động: Cá nhân, cặp đôi khá giỏi.

Sản phẩm: HS đưa ra được đề bài hoặc tình huống nào đó và phương pháp giải quyết.

? Từ các kiến thức hình học đã học hãy nêu thêm các tính chất được cho là định lí và ghi GT, KL của định lí đó.

- HS thảo luận cặp đôi để chia sẻ kiến thức.

**E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ 2 phút**

Hình thức tổ chức hoạt động: Yêu cầu HS về nhà:

- Làm các câu hỏi ôn tập chương I SGK/102; 103.

- Xem lại các bài tập đã chữa.

- Làm bài tập 54, 55, 57/104 SGK.

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 14** | **ÔN TẬP CHƯƠNG I** |

**I.** **MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Hệ thống lại kiến thức về 2 góc đối đỉnh, đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song và các tính chất liên quan.

**2. Kĩ năng:**

- Rèn kĩ năng vẽ hình, ghi GT, KL của 1 định lí.

- Bước đầu tập suy luận để chứng minh định lí, vận dụng tính chất của các đường thẳng vuông góc, song song để làm bài tập.

**3. Thái độ :** Chú ý nghe giảng, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực :** Tự học, nêu và giải quyết vấn đề, hợp tác nhóm, ngôn ngữ...

**II. CHUẨN BỊ:**

**1.** **Giáo viên**: Soạn giao án, SGK, SBT, phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, êke.

**2.** **Học sinh**: SGK,SBT, học và làm bài tập ở nhà, đồ dùng học tập, ôn lại toàn bộ lí thuyết chương I hình học.

**III**. **TIẾN TRÌNH:**

**A, B. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG VÀ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20’)**

*-* **Mục đích:** Giúp HS ôn tập lại các kiến thức của chương.

**- Phương pháp:** Hoạt động cá nhân, nhóm nhỏ.

**- Sản phẩm:** HS ôn tập lại các kiến thức của chương.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA**  **HỌC SINH** | **NỘI DUNG** |
| **Hoạt động 1: Ôn tập lí thuyết(20').**  **\*GV:** Treo bảng phụ:  **Bài tập 1:** Mỗi hình vẽ trên bảng cho biết nội dung tính chất gì?  **Bài tập 2:** Điền vào chỗ trống để được một khẳng định đúng***.*** | **\*HS:** Lần lượt phát biểu.  **\*HS:** Lên bảng điền. | **Bài tập:** |
| **Bài tập 1:**    Hình 1 Hình 2 Hình 3    Hình 4 Hình 5 Hình 6  Hình 7 Hình 8  **Bài tập 2:**   1. Hai góc đối đỉnh là hai góc có ………………………………….. 2. Hai đường thẳng vuông góc với nhau là hai đường thẳng ……………………. 3. Đường trung trực của một đoạn thẳng là đường thẳng…………………………. 4. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng ……………………………….. 5. Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có 1 cặp góc so le trong bằng nhau thì ... 6. Nếu một đường thẳng cắt 2 đường thẳng song song thì… 7. Nếu a ⊥ c và b ⊥ c thì…   Nếu a//c và…thì a//b. | | |

**C. HOẠT ĐỘNG CỦNG CỐ - LUYỆN TẬP (23').**

**- Mục đích:** HS ôn lại tính vuông góc và song song.

**- Phương thức:** Hoạt động cá nhân, nhóm.

**- Sản phẩm:** Kĩ năng vẽ hình, lập luận chứng minh hai đường thẳng song song.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **\*GV:** Cho HS trả lời miệng bài 54/103 SGK.  **\*GV:** Vẽ lại hình 38 SGK lên bảng rồi gọi lần lượt hai học sinh lên bảng làm câu a, b.  - Cho đoạn thẳng AB dài 28 mm. Hãy vẽ đường trung trực của đoạn thẳng đó.  - Yêu cầu học sinh lên bảng vẽ hình và nêu cách vẽ.  **\*GV:** Nhận xét và kết luận.  **\*GV:** Gợi ý: Bài 57SGK. Tính Ô = ?  + Vẽ đt c đi qua O sao cho c // a  + Tính Ô1 = ?, Ô2 = ?  Ô = Ô1 + Ô2 = ? | **\*HS:** Trả lời miệng.  - Năm cặp đường thẳng vuông góc là:  d1 ⊥ d8; d1 ⊥ d2; d3 ⊥ d4; d3 ⊥ d5; d3 ⊥ d7;  - Bốn cặp đường thẳng song song là:  d2 // d8; d4 // d5; d5 // d7; d7 // d4;  **\*HS:** Đọc đề bài BT 55 rồi vẽ hình vào vở.  - Hai học sinh lên bảng vẽ hình mỗi học sinh làm một phần.  - Một học sinh lên bảng vẽ hình và nêu cách vẽ.  - Học sinh lớp nhận xét, góp ý. | **Bài 54/103 SGK.**  - Năm cặp đường thẳng vuông góc là:  d1 ⊥ d8; d1 ⊥ d2; d3 ⊥ d4; d3 ⊥ d5; d3 ⊥ d7;  - Bốn cặp đường thẳng song song là:  d2 // d8; d4 // d5; d5 // d7; d7 // d4;  **Bài 55/103 SGK.**  **Bài 56/104 SGK.**  ***\*Cách vẽ:***  - Vẽ đoạn thẳng AB = 28cm  - Trên đoạn thẳng AB lấy điểm M sao cho AM = 14 mm  - Qua M vẽ d ⊥ AB => d là đường trung trực của đoạn thẳng AB. |

**D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG 7 PHÚT**

**-**  Gv hướng dẫn HS vẽ sơ đồ tư duy củng cố kiến thức của chương trên giấy A4

- HS thực hành theo GV



**E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2’).**

1. Học bài: Định lí là gì? Xác định và ghi GT, KL của định lí.
2. Nắm được các bước chứng minh một định lý.
3. BTVN: 51, 52 (SGK) và 41, 42 (SBT).

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 15** | **ÔN TẬP CHƯƠNG I(T2)** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Qua hướng dẫn của giáo viên HS hệ thống lại kiến thức về đường thẳng vuông góc, đường thẳng song song.

1. **Kỹ năng:**

**-** Học sinh sử dụng thành thạo các dụng cụ để vẽ hai đường thẳng vuông góc và hai đường thẳng song song.

- Biết kiểm tra hai đường thẳng cho trước có song song hay vuông góc với nhau không.

**3. Thái độ:**

Học sinh bước đầu tập suy luận, vận dụng tính chất của hai đường thẳng song song.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 8 phút)**  ***Mục tiêu:***Qua các hình HS nhớ lại các kiến thức đã học  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận. | | |
| - GV đưa bảng phụ các hình vẽ sau  - GV yên cầu HS hoạt động cá nhân  - Mỗi hình trong bảng sau cho ta biết những kiến thức nào?  - GV gọi HS trả lời  - GV nhận xét | - HS quan sát  - HS hoạt động cá nhân trao đổi thông tin với cặp đôi  - HS trả lời:  + Hình 1: Hai góc đối đỉnh  + Hình 2: Đường trung trực của đaạn thẳng  +Hình 3: Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song  + Hình 4: Quan hệ ba đường thẳng song song  +Hình 5: Một đường thẳng vuông góc với một trong hai đường thẳng song song.  +Hình 6: Tiên đề Ơclit  +Hình 7: Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song | **1. Đọc hình để củng cố kiến thức** |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (21 phút)**  ***Mục tiêu***: Kiểm tra hệ thống kiến thức qua việc dùng ngôn ngữ  ***Phương pháp:***Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp. | | |
| - GV cho HS thảo luận nhóm  - Các nhóm thảo luận trình bày trên bảng phụ.  - GV gọi đại diện một nhóm lên thuyết trình bài của mình.  - GV nhận xét  - GV đưa ra bài tập 2 yêu cầu HS làm việc cá nhân  - GV gọi từng HS trả lời cho từng câu  - GV với mỗi câu sai vẽ hình minh họa cho HS thấy nhận biết những sai lầm | - HS thảo luận nhóm  - Các nhóm làm việc  - Đại diện một nhóm trình bày. Các nhóm còn lại nghe nhận xét  + mỗi cạnh của góc này là tia đối của mỗi cạnh của một cạnh góc kia  + Cắt nhau tạo thành một góc vuông.  + Đi qua trung điểm của đoạn thẳng và vuông góc với đoạn thẳng đó.  + a // b  + a // b  + Hai góc so le trong bằng nhau  Hai góc đồng vị bằng nhau  Hai góc trong cùng phía bù nhau.  + a // b  + a // b  - HS lắng nghe  - HS làm việc cá nhân trao đổi thông tin với cặp đôi  - HS trả lời:  a. Đúng  b. Sai  c. Đúng  d. Sai  e. Sai  f. Sai  g. Đúng  h Sai  - HS lắng nghe, chú ý quan sát | **2. Hệ thống kiến thức**  **Bài 1:** Điền vào chỗ trống (…)  - Hai góc đối đỉnh là hai góc có …  -Hai đường thẳng vuông góc với nhau là hai đường thẳng …  -Đường trung trực của một đoạn thẳng …  -Hai đường thẳng a, b song song với nhau được kí hiệu là …  -Nếu hai đường thẳng a, b cắt đường thẳng c và có một cặp góc so le trong bằng nhau thì …  -Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì …  - Nếu và thì …  - Nếu a // c và b // c thì …  **Bài 2.**Trong các câu sau, câu nào đúng câu nào sai  a. Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau  b. Hai góc bằng nhau thì đối đỉnh  c. Hai đường thẳng vuông góc thì cắt nhau  d. Hai đường thẳng cắt nhau thì vuông góc  e. Đường trung trực của đoạn thẳng là đường thẳng đi qua trung điểm của đoạn thẳng ấy  f. Đường trung trực của đoạn thẳng là đường thẳng vuông góc với đoạn thẳng ấy.  g. Đường trung trực của đoạn thẳng là đường thẳng đi qua trung điểm của đoạn thẳng và vuông góc với đoạn thẳng đó.  h. Nếu 1 đường thẳng c cắt 2 đường thẳng a và b thì 2 góc so le trong bằng nhau |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 6 phút)**  ***Mục tiêu***: Khắc sâu các kiến thức đã học ở chương này vận dụng vào các bài tập cụ thể  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp. | | |
| - GV cho HS thảo luận theo cặp đôi  - GV gọi HS lên bảng trình bày và yêu cầu HS viết giả thiết và kết luận bằng kí hiệu  - GV cho HS nhận xét  - GV nhận xét | - HS đọc đề trao đổi thông tin theo cặp đôi  - HS lên bẳng trình bày  a. Nếu hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau  GT:    KL: a // b  b. Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau.  GT: a // b  a // c  KL: b // c  - HS nhận xét | **Bài 60 (SGK)** |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 8 phút)**  ***Mục tiêu:***Biết vận dụng tính chất dãy tỉ số bằng nhau để làm các bài toán về đại lượng tỉ lệ nghịch  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - GV yêu cầu HS đọc đề và hoạt động cá nhân  - Để tính ta nên vẽ tia Om // a // b  ? Để tính ta cần tính 2 góc nào?  ? và là hai góc như thế nào  ? và là hai góc như thế nào  - Cho HS trình bày bài làm, nhận xét | - HS đọc đề  - HS lắng nghe  - HS trả lời:    Vì a // Om  (so le trong)  Vì b // Om  (trong cùng phía)  - HS nhận xét | **Bài 57 (SGK)**  Ta có:  Vì a // Om  (so le trong)  Vì b // Om  (trong cùng phía)    Vậy 380 + 480 = 860 |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1phút)**  ***Mục tiêu:***Vận dụng thành thạo các kiến thức đã học  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| - Bài tâp về nhà: 58, 59 SGK  - Xem lại các dạng bài tập đã làm  - Tiết sau kiểm tra 1 tiết | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 16** | **KIỂM TRA 45’ CHƯƠNG I** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**.Kiểm tra sự hiểu biết của HS

**2. Kỹ năng:**Kiểm tra kỹ năng của HS về

- Vẽ hình theo thứ tự bằng lời

- Biết diễn đạt các tính chất (định lí) qua hình vẽ

- Biết vận dụng các định lí để suy luận. Có ý thức trình bày bài làm.

**3. Thái độ:**Rèn cho HS tính cẩn thận, nghiêm túc.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Đề kiểm tra, ma trận đề, đáp án

2. Học sinh: Đồ dùng học tập.

**III. MA TRẬN**

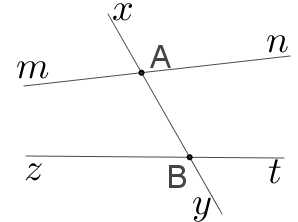
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | | | Cộng |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| Hai góc đối đỉnh. Hai đường thẳng vuông góc. Hai đường thẳng song song. Tiên đề Ơclic | -Biết tính chất hai góc đối đỉnh.  -Biết khái niệm hai đường thẳng vuông góc.  -Biết tiên đề Ơclic | | -Hiểu được mối quan hệ giữa các góc trong hình-Vẽ được đường thẳng vuông góc và đường thẳng song song theo yêu cầu bài toán | | Vẽ được đường thẳng vuông góc và đường thẳng song song theo yêu cầu bài toán | | -Vận dụng dấu hiệu nhận biết chứng tỏ được hai đường thẳng song song | |  |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỷ lệ % | 6  3 |  |  | 1  1 |  | 1  1 |  | 1  2 | 9  7  70% |
| Từ vuông góc đến song song | -Biết được quan hệ từ vuông góc đến song song | | -Hiêu và biểu diễn được mối quan hệ vuông góc và song song | |  | |  | |  |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỷ lệ % | 2  1 |  |  | 1  0,5 |  |  |  |  | 3  1,5  20% |
| Định lý | Biết cấu trúc của định lý | | -Viết được GT và KL của định lý. | |  | |  | |  |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỷ lệ % | 1  1 |  |  | 1  0,5 |  |  |  |  | 2  1,5  15% |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỷ lệ % | 9  5  50% |  | 3  2  20% | | 2  3  30% | | | | 14  10  100% |

**IV. ĐỀ KIỂM TRA**

**I – Trắc nghiệm** (5 điểm)

**Câu 1.** Điền vào chỗ trống trong các câu sau để được khẳng định đúng

1. Hai góc đối đỉnh thì …………
2. Trong định lý, phần cho gọi là ………… phần phải suy ra là …………
3. Qua điểm A ở ngoài đường thẳng a chỉ có một đường thẳng ………… với a.
4. Trong hình vẽ bên:



vàlà cặp góc …………

vàlà cặp góc …………

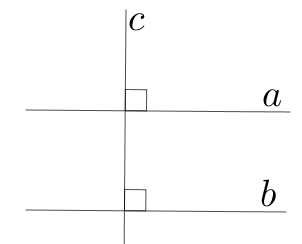
**Câu 2.** Điền dấu “ x” vào ô thích hợp:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | Nội dung | Đúng | Sai |
| 1 | Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng phân biệt không cắt nhau |  |  |
| 2 | Hai đường thẳng cắt nhau thì vuông góc |  |  |
| 3 | Hai đường thẳng phân biệt cùng song song với một đường thẳng thứ ba thì song song với nhau |  |  |
| 4 | Nếu một đường thẳng c cắt hai đường thẳng a và b thì hai góc đồng vị bằng nhau |  |  |

**II – Tự luận (5 điểm)**

**Bài 1. (1 điểm)**

1. Hãy phát biểu định lý được diễn tả bởi hình vẽ sau:



1. Viết giả thiết, kết luận bằng kí hiệu

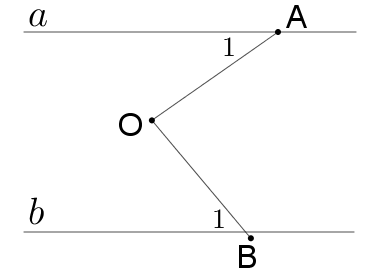
**Bài 2. (2 điểm)**

Cho đường thẳng a và , 

1. Vẽ đường thẳng b vuông góc với đường thẳng a tại M.
2. Vẽ đường thẳng c đi qua N và c // a.

**Bài 3. (2 điểm)**

Cho hình vẽ: Biết a // b, . Tính số đo 



**V. ĐÁP ÁN**

**I – Trắc nghiệm**

Mỗi đáp án đúng được 0,5 điểm

**Câu 1.**

1. Bằng nhau
2. Giả thiết, kết luận
3. Song song
4. So le trong, kề bù

**Câu 2.**

1. Đúng
2. Sai
3. Đúng
4. Sai

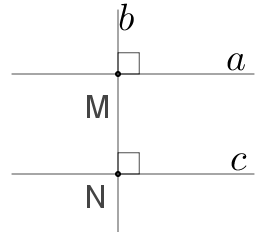
**II – Tự luận**

**Bài 1.(1 điểm)**

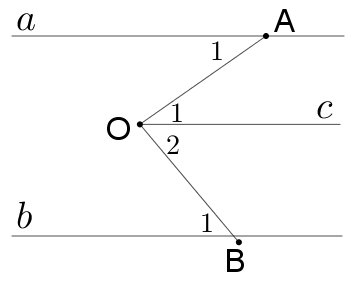
1. Hai đường thẳng phân biệt cùng vuông góc với một đường thẳng thứ ba thì chúng song song với nhau. (0,5 điểm)
2. Giả thiết:  (0,25 điểm)

Kết luận: a // b (0,25 điểm)

**Bài 2. (2 điểm)**



**Bài 3.(2 điểm)**



Vẽ tia Oc // a // b (1 điểm)

Ta có: (so le trong) vì Oc // a (0,25 điểm)

(so le trong) vì Oc // b (0,25 điểm)

(0,5 điểm)

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

**CHƯƠNG II. TAM GIÁC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 17** | **TỔNG BA GÓC CỦA MỘT TAM GIÁC** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Biết được tổng ba góc của một tam giác bằng 1800.

- Hiểu và chứng minh được định lí tổng ba góc của một tam giác.

- Vận dụng định lí tổng ba góc của một tam giác vào các bài tập tính góc.

**2. Kỹ năng:** Tìm số đo góc còn lại của một tam giác khi cho trước số đo hai góc.

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác, tích cực vận dụng kiến thức vào bài tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

**2. Học sinh**: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp**: Kiểm tra sĩ số. (**1 ph**)

**2. Nội dung**:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** | | |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3 ph)**  ***Mục tiêu:*** Nhớ lại cách sử dụng thước đo độ để đo góc.  ***Phương pháp:*** HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.  ***Sản phẩm:*** Hoàn thành được yêu cầu GV đề ra. | | | | | |
| Quan sát hình vẽ:      - Đọc tên các hình có trên hình vẽ?  GV đặt vấn đề vào bài: ΔABC và ΔMNP khác nhau về hình dạng và kích thước nhưng tổng số đo ba góc của ΔABC bằng tổng số đo ba góc của ΔMNP.Tại sao lại như vậy? Chúng ta sẽ giải thích được điều đó qua tiết học hôm nay. | |  | |  | |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (20ph)**  ***Mục tiêu***: Hình thành định lí tổng ba góc của một tam giác bằng 1800. Hs biết vận dụng tính chất hai đường thẳng song song để chứng minh định lí. Rèn kĩ năng trình bày bài tập chứng minh hình học.  ***Phương pháp:*** HĐ nhóm bàn, hoạt động cá nhân.  Sản phẩm: Định lý, ?1, ?2 | | | | | |
| **Nhiệm vụ 1:**  - Y/c HS hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu sau vào vở:  + Vẽ tam giác ABC bất kì và đo các góc của tam giác đó.  + Tính tổng số đo ba góc của tam giác đó.  - Y/c HS hoạt động nhóm bàn: kiểm tra bài theo vòng tròn, so sánh kết quả thu được, báo cáo nhóm trưởng.  - GV kiểm tra kết quả của hai nhóm làm nhanh.  - Tổ chức cho học sinh báo cáo kết quả.  - GV thông báo nhiệm vụ chính là việc thực hiện ?1, từ đó dẫn dắt vào bài.  **Nhiệm vụ 2**: Thực hiện ?2.  - Yêu cầu HS thực hành nhóm bàn thực hiện yêu cầu ?2.  - GV quan sát, trợ giúp khi cần thiết.  - Các nhóm báo cáo kết quả.  GV: Qua ?2, em rút ra nhận xét gì về tổng ba góc của một tam giác?  - GV yêu cầu HS vẽ hình và ghi GT-KT của định lí.  **Nhiệm vụ 3**:  - Bằng suy luận ta có thể c/m được tính chất tổng 3 góc của một tam giác bằng 1800 hay không?  - Nêu cách chứng minh?  GV có thể gợi ý:  Từ hoạt động cắt ghép hình HS có thể nêu được:  + Qua A kẻ đường thẳng xy sao cho xy // BC  + áp dụng tính chất 2 đường thẳng song song làm BT.  - Chỉ ra các góc bằng nhau trên hình vẽ ? Giải thích vì sao ?  Gv yêu cầu một học sinh lên bảng trình bày.  - HS dưới lớp kiểm tra bài vòng tròn theo bàn.  - GV giới thiệu phần lưu ý.  GV kết luận. | - HS hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu vào vở.  - Nhóm trưởng phân công kiểm tra bài theo vòng tròn.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả của nhóm.  - HS thực hiện nhóm bàn.  - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả.  - HS tự rút ra nhận xét => nội dung định lí.  - HS hoạt động cá nhân vẽ hình, ghi GT-KL của định lí.  Học sinh suy nghĩ cách chứng minh.  - Hs đứng tại chỗ nêu cách chứng minh theo gợi ý của GV.  - 1 HS lên bảng trình bày. HS dưới lớp hoạt động cá nhân làm bài vào vở.  - Hs kiểm tra bài theo bàn. | | | | **1. Tổng ba góc của một tam giác.**  ?1.  ?1 :  Tổng số đo 3 góc của ΔABC bằng 1800  ?2 .  \* Định lý (sgk/106)   |  |  | | --- | --- | | GT |  | | KL |  |   \* Chứng minh:  - Qua A kẻ đường thẳng xy song song với BC.  Suy ra:  (hai góc so le trong)  Khi đó: |
| **C. HOẠT DỘNG LUYỆN LẬP (`13 ph)**  **Mục tiêu**: HS biết vận dụng định lí tổng ba góc của một tam giác vào bài tập tính số đo góc của một tam giác khi biết số đo 2 góc còn lại.  **Phương pháp:** Hoạt động cá nhân.  **Sản phẩm**: bài 1 | | | | | |
| - Yêu cầu Hs hoạt động cá nhân làm bài tập 1 (sgk/108) hình 47; hình 49.  - Gọi Hs lên bảng thực hiện.  - Dưới lớp kiểm tra chéo bài theo cặp.  - Nhận xét, đánh giá. | | - Hs hoạt động cá nhân vào vở.  - 2Hs lên bảng trình bày bài.  - HS đổi vở, kiểm tra bài theo cặp => báo cáo GV. | Bài tập 1 (hình 47, 49)  \* Hình 47.  Xét có:      Vậy x=  \* Hình 49.  Xét có:    Vậy x= | | |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 6 ph)**  ***Mục tiêu:*** Hs biết vận dụng kiến thức đã học vào giải bài toán thực tiễn.  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm. | | | | | |
| - Làm bài tập 4 trong sgk.  - GV hướng dẫn HS cách chuyển bài toán thực tế về bài toán có nội dung hình học.  - Các nhóm vẽ hình và thảo luận cách làm bài.  - Nhận xét, đánh giá. | | - Hs thảo luận theo nhóm. Làm bài vào bảng nhóm.  - Các nhóm trưng bày sản phẩm trên bảng. | Bài giải bài 4 (sgk/108)  (thể hiện trong bảng nhóm của HS) | | |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2ph)**  ***Mục tiêu:*** Khuyến khích học sinh tìm tòi, phát hiện một số bài tập thực tế có thể đưa về vận dụng định lí về tổng ba góc của một tam giác.  ***Phương pháp***: cá nhân, cặp đôi học sinh khá, giỏi. | | | | | |
| GV giao nhiệm vụ cho Hs khá, giỏi, khuyến khích cả lớp cùng thực hiện:  - Từ bài toán 4, các em hãy tìm thêm một số bài tập thực tế tương tự và giải bài tập đó.  - Giao bài tập về nhà: bài 1(các hình còn lại), bài 2; 5 sgk/108. | | - Cá nhân Hs thực hiện yêu cầu của GV, cặp đôi chia sẻ, góp ý(trên lớp – về nhà) |  | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 18** | **TỔNG BA GÓC CỦA MỘT TAM GIÁC(T2)** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**

- Biết định nghĩa và tính chất về góc của tam giác vuông,

- Phát biểu được định nghĩa và tính chất góc ngoài tam giác.

- Vận dụng kiến thức vào các bài tập liên quan.

**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng định nghĩa, định lý trong bài để tính số đo góc của tam giác, giải một số bài tập.

**3. Thái độ:** Nghiêm túc, tự giác, tích cực vận dụng kiến thức vào bài tập.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

**1. Giáo viên:** Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

**2. Học sinh:** Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp:** Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

**2. Nội dung:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | | **Nội dung** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG ( 3 ph)**  ***Mục tiêu:*** ôn lại định lí tổng ba góc của một tam giác  ***Phương pháp:*** HĐ cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.  ***Sản phẩm:*** Hoàn thành được yêu cầu GV đề ra. | | | |
| GV nêu câu hỏi kiểm tra hs cả lớp:  -¸p dông : T×m sè ®o x, y trong h×nh vÏ  HS lên bảng làm bài  GV nhận xét, cho điểm và giới thiệu bài. |  | |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (23ph)**  ***Mục tiêu***: Biết định nghĩa và tính chất về góc của tam giác vuông; phát biểu được định nghĩa và tính chất góc ngoài tam giác.  ***Phương pháp:*** HĐ nhóm bàn, hoạt động cá nhân.  ***Sản phẩm:*** Định nghĩa tam giác vuông, ?3, định lí | | | |
| **\*Nhiệm vụ 1:**  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm bàn thực hiện yêu cầu:  + Nêu định nghĩa tam giác vuông.  + Cách vẽ tam giác ABC vuông tại A.  + Chỉ rõ cạnh huyền, cạnh góc vuông của tam giác vuông.  - Gọi đại diện 1 nhóm trình bày trước lớp.  - GV chốt kiến thức.  **\* Nhiệm vụ 2**:  - Yêu cầu HS thực hiện ?3.  - Yêu cầu Hs kiểm tra vòng tròn theo bàn.  - Gv: Qua bài tập trên, rút ra kết luận gì về hai góc nhọn trong tam giác vuông?  - Nhắc lại định lí.  - Yêu cầu Hs ghi GT- KL định lí.  **\* Nhiệm vụ 3**:  Gv vẽ góc Acx.  GV giới thiệu: như hình vẽ gọi là góc ngoài tại đỉnh C của ΔABC.  - có vị trí như thế nào đối với của ΔABC?  - Thế nào là góc ngoài của tam giác?  Gv giới thiệu góc trong của ΔABC.  Gv yêu cầu hs làm ?4 vào phiếu học tập.  - Hai góc A, B là 2 góc trong không kề với góc ngoài ACx  - Vậy ta có định lí nào về góc ngoài của tam giác?  - Hãy so sánh: và  và ?  - Mỗi góc ngoài của tam giác có số đo như thế nào so với mỗi góc trong không kề với nó?  - Quan sát hình vẽ.  - bằng tổng 2 góc nào? | - Hs thảo luận nhóm bàn các yêu cầu của GV.  - Đại diện 1 nhóm trình bày trước lớp.  - Hs hoạt động cá nhân thực hiện ?3.  - Hs kiểm tra vòng tròn theo bàn.  - Hs rút ra kết luận.  - Hs nêu GT-KL  - kề bù với trong ΔABC  Hs phát biểu định nghĩa như sgk.  1 hs lên bảng làm vào bảng phụ. Hs cả lớp làm vào phiếu học tập.  Hs phát biểu định lí  Hs đứng tại chỗ trả lời.  Hs: Mỗi góc ngoài của tam giác lớn hơn mỗi góc trong không kề với nó. | | **2. Áp dụng vào tam giác vuông.**  \*Định nghĩa (sgk/107)  ?3 .  \* Định lí (sgk/107)  ***3. Góc ngoài của tam giác****:*  - là góc ngoài của ΔABC tại đỉnh C.  \* Định lí: sgk   |  |  | | --- | --- | | GT | ΔABC ; là góc ngoài | | KL |  |   Nhận xét: >  > |
| **C. HOẠT DỘNG LUYỆN LẬP (`9ph)**  **Mục tiêu:** Hs biết vận dụng định lí tổng hai góc nhọn trong tam giác vuông, vận dụng định lí góc ngoài của tam giác để tính số đo góc.  **Phương pháp**: | | | |
| **Bài tập 1**. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống trong mỗi khẳng định sau:  a, Nếu hai góc của tam giác này lần lượt bằng hai góc của tam giác kia thì cặp góc còn lại bằng nhau  b, Nếu một góc nhọn của tam giác vuông này bằng một góc nhọn của tam giác vuông kia thì cặp góc nhọn còn lại bằng nhau.  c, Góc ngoài của một tam giác bao giờ cũng là góc tù.  \* Cho học sinh làm bài theo nhóm. Yêu cầu mỗi trường hợp sai cần vẽ hình minh họa.  \*Nhận xét và chốt lại các kiến thức đó học.  **Bài tập 2:** bài 1 / 108 (hình 50, 51) sgk.  GV yêu cầu hs hoạt động cá nhân làm bài.  ? Tìm các góc ngoài trong hình  ? Góc ngoài có quan hệ gì với tổng 2 góc trong không kề với nó  GV gọi hs trả lời, gọi hs nhận xét, rồi đánh giá. | | Hs theo dõi đề bài trên màn hình.  HS hoạt động theo nhóm bàn trả lời câu hỏi.  Đại diện nhóm trả lời.  Các chóm khác nhận xét.  HS hoạt động cá nhân làm bài.  Hs đứng tại chỗ trả lời.  Hs khác nhận xét. | **Bài tập 1:**  **Bài tập 2:(**bài tập 1 / 108 sgk) |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 7 ph)**  ***Mục tiêu:*** Hs biết vận dụng kiến thức đã học vào giải bài toán thực tiễn.  ***Phương pháp***: Hoạt động nhóm. | | | |
| GV cho hs đọc bài tập 3.  GV yêu cầu hs suy nghĩ làm bài và giải thích cách làm. | HS giải thích cách làm: và  Áp dụng tính chất của dãy tỉ số bằng nhau ta có:  Vậy | | **Bài tập 3**. Tam giác ABC vuông tại B có . Số đo của góc A bằng:  A. 22,50 B.67,50  C. 600 D. 900 |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2ph)**  **Mục tiêu:** Khuyến khích hs tìm tòi phát hiện một số tình huống, bài toán có thể đưa về vận dụng các kiến thức về tổng ba góc của tam giác để giải bài tập và giải quyết một sô bài toán thực tế.  **Hình thức hoạt động:** hoạt động cá nhân, cặp đôi khá, giỏi  **Sản phẩm:** HS đưa ra được đề bài hoặc tình huống nào đó liên quan kiến thức bài học và phương pháp giải quyết. | | | |
| - Học kĩ lí thuyết.  - Làm các bài tập:3, 4, 5, 6/108 sgk + 3, 5, 6/98 sbt.  \*Hướng dẫn bài 3b: Cho hình vẽ. Hãy so sánh:  a) và ; b) ) và ;  - Góc BIC bằng tổng những góc nào ?  - So sánh góc BIK với góc BAK?  - So sánh góc CIK với góc CAK? |  | | Bài 3b/ SGK |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 19** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài học này giúp học sinh:

**1. Kiến thức**: - Củng cố, khắc sâu kiến thức về:

+ Tổng 3 góc của một tam giác bằng 1800.

+ Trong tam giác vuông, tổng hai góc nhọn bằng 900

+ Định nghĩa, định lí về tính chất góc ngoài của tam giác.

**2. Kĩ năng**: - Rèn kỹ năng tính số đo các góc.

**3.** **Thái độ**: - Bước đầu biết chứng minh định lí.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất.**

***- Năng lực***: năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

***- Phẩm chất:*** tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**

1. **Giáo viên:**

- SGK, SBT, thước thẳng, thước đo góc, êke, bảng phụ vẽ hình các h́ình 55, 57/ sgk

1. **Học sinh:**

- Thước thẳng, thước đo góc, compa, bảng nhóm, bút viết bảng, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

1. **Ổn định lớp :** Kiểm tra sĩ số (1 phút)
2. **Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HĐ CỦA GV** | **HĐ CỦA HS** | **NỘI DUNG** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (5 ph)**  **Mục tiêu:** ôn lại định lí tổng ba góc của một tam giác, định lí góc ngoài của tam giác  **Hình thức tổ chức:** HD cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.  **Sản phẩm**: hoàn thành được yêu cầu GV đề ra. | | |
| **Nhiệm vụ 1:** yêu cầu HS hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu sau:  1. Phát biểu định lí về tổng 3 góc của một tam giác.  2. Vẽ ΔABC, kéo dài cạnh BC về hai phía, chỉ ra góc ngoài tại đỉnh B, đỉnh C ?  - Phát biểu định lí về góc ngoài của tam giác. Diễn tả nội dung định lí theo hình vẽ đối với góc ngoài tại B, C.  + GV kiểm tra kết quả của hs trên bảng.  + Xác nhận Hs làm đúng hoặc hướng dẫn trợ giúp HS làm chưa đúng.  + Cử Hs đi kiểm tra hỗ trợ các hs khác theo cách vừa kiểm tra.  GV dẫn dắt vào bài mới. | HS hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu vào vở.  - Hs giải thích được cách làm bài của mình.  -Hs (đã được GV chỉ định) kiểm tra, hỗ trợ chéo nhau báo cáo GV kết quả. |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (18 ph)**  **Mục tiêu:** - Củng cố, khắc sâu kiến thức về:  + Tổng 3 góc của một tam giác bằng 1800.  + Trong tam giác vuông, tổng hai góc nhọn bằng 900   * Vận dụng được định lí vào giải bài toán tìm số đo góc trong tam giác   .**-Hình thức tổ chức hoạt động**:Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.  Sản phẩm: bài 6/109sgk | | |
| **Nhiệm vụ 1: Bài 6/109 sgk**  - Quan sát hình vẽ, suy nghĩ và viết kết quả số đo x ra bảng.  -Tại sao có được kết quả như vậy?  Gv gọi 1 hs lên bảng tŕnh bày.  - Nêu cách tính x trong hình 57?  - Em nào có cách tính khác?  - Nêu cách tính x?  GV gọi 1 hs lên bảng trình bày.  GV cho hs nhận xét,  GV đánh giá và lưu ý sai lầm thường gặp của hs. | Hs làm bài và viết kết quả ra bảng con.  1 hs đứng tại chỗ giải thích cách làm.  - Hs lên bảng trình bày lại, lớp tŕnh bày vào vở.  Hs : áp dụng tính chất hai góc nhọn trong tam giác vuông vào ΔMPN và ΔIMP  Hs: Dựa vào định lí tổng ba góc trong tam giác.  Hs: Dựa vào tính chất góc ngoài của tam giác  Hs lên bảng trình bày.  Hs nhận xét.  Hs lắng nghe. | **Bài 6/ 109 sgk:**  Tìm số đo x trong các hình  **Hình 55:**    **Tính  = ?**  Ta có: ΔAHI vuông tại H  =>  +  = 900 (đ?nh l?)  =>  = 500  mà  =  = 500 (ủủ)  ΔIBK vuông tại K  =>  +  = 900  =>  = 400  => x = 400  **Hình 57**    Tính **= ?**  Ta có: ΔMPN vuông tại M  => + = 900 (1)  ΔIMP vuông tại I  => + = 900 (1)  (1),(2) =>  =  = 600  => x = 600 |
| **C. HOẠT DỘNG LUYỆN LẬP – CỦNG CỐ (`9 ph)**  **Mục tiêu:** Luyện kĩ năng tìm hai góc phụ nhau, hai góc bằng nhau.  **Hình thức hoạt động:**Hoạt động cá nhân, cặp đôi.  **Sản phẩm:** HS hoàn thành bài 7/109SGK | | |
| - Nhắc lại tính chất hai góc nhọn của tam giác vuông  **Bài 7/109 sgk**  - Hăy tìm các cặp góc phụ nhau?  - Tìm các cặp góc bằng nhau.? | 1 hs lên bảng làm câu a.  1 hs lên bảng làm câu b | **Bài 7/ 109 sgk:**    a) Các cặp góc phụ nhau:  và ;  và ;  và ;  và  b) Các cặp góc nhọn bằng nhau là:  = ;  = . |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 10 ph)**  **Mục tiêu:** Biết vận dụng định lí tính chất góc ngoài của tam giác để chứng minh hai góc bằng nhau, từ đó chứng minh hai đường thẳng song song.  **Hình thức tổ chức hoạt động**: hoạt động cá nhân, hoạt dộng nhóm bàn.  Sản phẩm: Hs vận dụng được kiến thức giải toán | | |
| GV yêu cầu hs đọc đề bài bài 8/109 sgk.  - Ghi giả thiết, kết luận của bài 8  - Yêu cầu HS quan sát hình vẽ.  - Để chứng minh Ax // BC ta phải chứng minh điều gì ?  - Gv gọi 1 hs đứng tại chỗ tŕnh bày cách chứng minh.  GV goi hs nhận xét, đánh giá bài làm của hs.  GV chốt cách chứng minh hai đường thẳng song song. | 1 hs lên bảng tóm tắt GT-KL của bài toán.  Hs quan sát hình vẽ.  Hs: Chứng minh cặp góc ở vị trí so le trong bằng nhau.  Hs nêu cách chứng minh.  1 hs lên bảng trình bày. | |  |  | | --- | --- | | GT | ΔABC :  Ax là tia phân giác của góc ngoài tại A | | KL | Ax // BC |   **Bài 8/ 109 sgk**    Chứng minh: Ax//BC  Ta có:  = +(góc ngoài tại A của ΔABC)  =>  = 800  mà  = =400 (Ax: phân giác )  Vậy:  = . Mà hai góc này ở vị trí so le trong  => Ax//BC. |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2ph)**  **Mục tiêu:** Khuyến khích hs tìm tòi phát hiện một số tình huống, bài toán có thể đưa về vận dụng các kiến thức về tổng ba góc trong tam giác, về tính chất góc ngoài của tam giác để giải bài tập và giải quyết một sô bài toán thực tế.  **Hình thức hoạt động:** hoạt động cá nhân, cặp đôi khá, giỏi  **Sản phẩm:** HS đưa ra được đề bài hoặc tình huống nào đó liên quan kiến thức bài học và phương pháp giải quyết. | | |
| GV giao nhiệm vụ cho HS khá, giỏi, khuyến khích cả lớp cùng thực hiện.  - Học thuộc, hiểu kỹ về tính chất tổng 3 góc của tam giác, định lí vào tam giác vuông.  - Xem kỹ các bài tập đă chữa áp dụng định lí trên.  - Làm các bài tập: 14 - 18/sbt + bài 9/109 sgk.  \* Hướng dẫn bài 9/109 sgk:  ())  **- Tính** -áp dụng tính chất hai góc nhọn trong  tam giác vuông vào ΔABC và Δ COD. | HS chú ý lắng nghe và ghi bài về nhà làm  HS theo dõi hướng dẫn của GV. | **Bài 9/109 SGK** |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 20** | **HAI TAM GIÁC BẰNG NHAU** |

**I. MỤC TIÊU:**

**1.** **Kiến thức:**

- Hs hiểu định nghĩa hai tam giác bằng nhau biết viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác theo qui ước viết tên các đỉnh tương ứng theo cùng một thứ tự.

**2.** **Kỹ năng**:

- Biết sử dụng định nghĩa hai tam giác bằng nhau để suy ra các đoạn thẳng bằng nhau, các góc bằng nhau.

**3. Thái độ:**

- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác .

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất.**

***- Năng lực***: năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

***- Phẩm chất:*** tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ CỦA GV VÀ HS**:

**1.Giáo viên:** Thước thẳng, thước đo góc, êke, phấn màu. Máy soi.

**2.Học sinh:** Thước thẳng, thước đo góc, êke.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

1. **Ổn định lớp :** Kiểm tra sĩ số (1 phút)
2. **Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Kiến thức cần đạt** |
| **A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 ph)**  **Mục tiêu:** ôn lại định lí tổng ba góc của một tam giác  **Hình thức tổ chức:** HD cá nhân, HĐ nhóm, tự kiểm tra, đánh giá.  **Sản phẩm**: hoàn thành được yêu cầu GV đề ra. | | |
| GV kiểm tra hs cả lớp  - Phát biểu định lí tổng ba góc của một tam giác?  GV chiếu hình ảnh các đồ vật chồng khít lên nhau giới thiệu các đồ vật có hình dạng, kích thước bằng nhau; chiếu tiếp hình ảnh hai hình tam giác chồng khít lên nhau và hỏi hs: Em có nhận xét gì về hai hình tam giác trên? Từ đó đặt vấn đề vào bài. | Hs phát biểu định lí. |  |
| **B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC ( 18ph)**  **Mục tiêu:** - HS hiểu định nghĩa hai tam giác bằng nhau biết viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác theo qui ước viết tên các đỉnh tương ứng theo cùng một thứ tự  **-Hình thức tổ chức hoạt động**: Hoạt động cá nhân, cặp đôi, nhóm.  Sản phẩm: **HS phát biểu được định nghĩa hai tam giác bẳng nhau, biết viết kí hiệu về sự bằng nhau của hai tam giác.** | | |
| ***Nhiệm vụ 1:Tìm hiểu định nghĩa (11ph)***  Gv cho hs hoạt động nhóm làm ?1.  Hãy dùng thước đo góc và thước thẳng để đo và so sánh các cạnh và số đo các góc của ΔABC và ΔA’B’C’.  - Rút ra nhận xét gì?  Gv giới thiệu hai tam giác như thế gọi là hai tam bằng nhau, giới thiệu hai góc tương ứng, hai đỉnh tương ứng, hai cạnh tương ứng.  - Vậy hãy cho biết thế nào là hai tam giác bằng nhau?  ***Nhiệm vụ 2:Tìm hiểu kí hiệu (7 ph)***  Gv: Ngoài việc dùng lời để định nghĩa hai tam giác bằng nhau ta có thể dùng kí hiệu để chỉ sự bằng nhau của hai tam giác.  Gv giới thiệu quy ước tương ứng của các đỉnh của hai tam giác. | Hs hoạt động nhóm sau đó đại diện nhóm trình bày.  Hs:AB=A’B’;AC=A’C’; BC=B’C’;;  ; .  Hs phát biểu định nghĩa như sgk.  Hs đọc mục 2/ sgk. | *1) Định nghĩa:*  ?1 :    Định nghĩa: sgk /120  *2.Kí hiệu:*  ΔABC = ΔA’B’C’ nếu: |
| **C. HOẠT DỘNG LUYỆN LẬP (`12 ph)**  **Mục tiêu:** Luyện kĩ năng tìm và viết kí hiệu hai tam giác bằng nhau.  **Hình thức hoạt động:**Hoạt động cá nhân, cặp đôi.  **Sản phẩm:** HS hoàn thành ?2; ?3 | | |
| Gv yêu cầu hs làm ?2  Gv phát phiếu học tập cho hs cả lớp.  Gv yêu cầu hs làm ?3  ?3. Cho ΔABC = ΔDEF.  Tìm số đo góc D và độ dài BC.  - Muốn tính số đo góc D và độ dài BC ta làm như thế nào?  Gv gọi 1 hs lên bảng trình bày.  Gv chữa bài 1 vài hs. | Hs làm ?2 vào phiếu học tập.  ?2 :  a) ΔABC = ΔMNP  b) Đỉnh M tương ứng với đỉnh A  tương ứng với  MP tương ứng với AC  c) Δ ACB =Δ MNP  AC = MP  =  Hs: Dựa vào hai tam giác bằng nhau: ΔABC và ΔDEF  Hs cả lớp làm bài.  1 hs trình bày trên bảng. | ?2    ?3  **Ta có: ++ = 1800 (Tổng ba góc của ΔABC); = 600**  **Mà: ΔABC = ΔDEF (gt)**  **=>  (hai góc tương ứng)**  **=>  = 600**  **ΔABC = ΔDEF (gt)**  **=>** BC = EF = 3 |
| **D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG ( 9 ph)**  **Mục tiêu:** Biết vận dụng định nghĩa hai tam giác bằng nhau để chỉ ra hai tam giác bẳng nhau, từ đó chỉ ra đỉnh tương ứng, góc tương ứng; biết viết đúng kí hiệu hai tam giác bẳng nhau..  **Hình thức tổ chức hoạt động**: hoạt động cá nhân, hoạt dộng nhóm bàn.  **Sản phẩm:** Hs hoàn thành bài 10/sgk | | |
| Gv gọi hs nhắc lại định nghĩa hai tam giác bằng nhau. Cách kí hiệu ?  - Với điều kiện nào thì ΔABC = ΔIMN ?  Gv yêu cầu hs làm bài 10 /111 sgk  Gv treo bảng phụ vẽ hình 63, 64/ sgk, yêu cầu hs hoạt động theo nhóm bàn làm bài(2ph)  Hình 63:    **Hình 64:**    GV gọi đại diện 2 nhóm nhaanh nhất lên bảng trình bày; sau đó gọi hs nhóm khác nhận xét.  GV đánh giá bài làm các nhóm và lưu ý một số sai lầm hs thường mắc: như viết kí hiệu hai tam giác bẳng nhau sai đỉnh tương ứng | **Hs đứng tại chỗ trả lời.**    **HS trả lời câu hỏi**  **Hs hoạt động nhóm làm bài 10/ 111 sgk**  **Đại diện 2 nhóm nhaanh nhất lên bảng trình bày.**  **Các nhóm khác nhận xét, bổ sung** | Bài 10/ 110 sgk:  Hình 63:  A tương ứng với I  B tương ứng với M  C tương ứng với N  ΔABC = ΔINM  **Hình 64:**  Q tương ứng với R  H tương ứng với P  R tương ứng với Q  Vậy ΔQHR = ΔRPQ |
| **E. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (2ph)**  **Mục tiêu:** Khuyến khích hs tìm tòi phát hiện một số tình huống, bài toán có thể đưa về vận dụng các kiến thức về hai tam giác băng nhau để giải bài tập và giải quyết một sô bài toán thực tế.  **Hình thức hoạt động:** hoạt động cá nhân, cặp đôi khá, giỏi  **Sản phẩm:** HS đưa ra được đề bài hoặc tình huống nào đó liên quan kiến thức bài học và phương pháp giải quyết. | | |
| - Học kĩ lí thuyết.  - Làm các bài tập: 11, 12, 13, 14/112 sgk.  \* Hướng dẫn bài 13/112 sgk  Hai tam giác bằng nhau thì chu vi của chúng bằng nhau. Chỉ cần tìm chu vi của 1 tam giác nếu tìm được đủ độ dài ba cạnh của nó. | **HS chú ý lắng nghe và ghi nội dung về nhà.**  **Hs theo dõi hướng dẫn của GV** |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 21** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**

Học sinh củng cố khắc sâu định nghĩa hai tam giác bằng nhau

1. **Kỹ năng:**

- HS biết vận dụng định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau để nhận biết hai tam giác bằng nhau.

- HS chỉ ra đúng các đỉnh tương ứng , các cạnh tương ứng , các góc tương ứng của hai tam giác bằng nhau.

1. **Thái độ:**

HS được GD tính cẩn thận, chính xác trong học toán.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:***Nhắc lại định nghĩa hai tam giác bằng nhau  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - GV đặt ra các câu hỏi cho HS trả lời  Cho ΔEFK = ΔMNP. Hãy chỉ ra  ? Các đỉnh tương ứng  ? Các cạnh tương ứng  ? Các góc tương ứng | - HS lắng nghe trả lời các câu hỏi  - HS trả lời từng câu hỏi:  + Đỉnh E tương ứng đỉnh M  Đỉnh F tương ứng đỉnh N  Đỉnh K tương ứng đỉnh P  + Cạnh EF tương ứng MN  Cạnh EK tương ứng MP  Cạnh FK tương ứng NP  + Góc E tương ứng với góc M  Góc F tương ứng với góc N  Góc K tương ứng với góc P |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức. (21 phút)**  ***Mục tiêu***: Vận dụng định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau để nhận biết hai tam giác bằng nhau.  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV dùng bảng phụ đã ghi bài 11.  - Cho HS đọc bài tập  - GV cho HS trả lời các câu hỏi sau:  ?Tìm cạnh tương ứng với cạnh BC  ? Góc tương ứng với góc H.  - Gọi HS lên bảng trình bày  - GV nhận xét  - GV cho HS đọc bài 12  - Cho HS làm việc theo cặp đôi tìm hiểu và trao đổi thông tin với nhau. Trả lời các câu hỏi sau  - GVđặt câu hỏi:  ? Tìm các cạnh bằng nhau, các góc bằng nhau.  ?Em có thể suy ra số đo những cạnh nào? Những góc nào của ΔHIK.  - Gọi HS lên bảng trình bày  - GV nhận xét  GV đưa bài tập 13 lên bảng phụ.  - Cho học sinh đọc đề bài.  - Gọi HS lên bảng tóm tắt đề bài.  ?Bài tập cho gì và bảo làm gì?  ? Chu vi tam giác tính như thế nào?  ? Hai tam giác bằng nhau thì chu vi của chúng có bằng nhau không?  ? Vậy ta chỉ cần tính chu vi của tam giác nào?  ? Để tính được chu vi của tam giác ΔABC và ΔDEF cần tính độ dài cạnh nào nữa?  - Gọi HS lên bảng trình bày  -GV nhận xét. | - HS làm việc cá nhân tìm hiểu đề bàitrao đổi thông tin với cặp đôi  - HS đọc bài  - HS trả lời  + Cạnh tương ứng với cạnh BC là cạnh IK.  + Góc tương ứng với góc H là góc A.  - HS lên bảng ghi. HS ở dưới nhận xét.  - HS: Đọc đề bài 12  - Từng cặp đôi thảo luận  - HS trả lời:  ΔABC = ΔHIK  ⇒ AB = HI = 2 cm  BC = IK = 4 cm  Và = 400  - HS lên bảng trình bày và nhận xét bài của bạn.  - HS đọc đề bài  - HS tóm tắt:  Cho: ΔABC = ΔDEF; AB = 4cm; BC = 6cm; DF = 5cm.  Tìm : Chu vi mỗi tam giác.  - HS trả lời từng câu hỏi của GV và hoàn thành bài tập  + Tổng ba cạnh của một tam giác.  + Chu vi ΔABC  AB+BC+CA = 4+6+5 = 15cm  ⇒ chu vi ΔDEF bằng 15 cm  - | **Bài 11 (SGK)**  b) ΔABC = ΔHIK  ⇒ AB = HI.  BC = IK  AC = HK    **Bài 12 (SGK)**  ΔABC = ΔHIK  ⇒ AB = HI = 2 cm  BC = IK = 4 cm  Và  = 400  *^*  *^*  *^*  **Bài 13 (SGK)**  Ta có: ΔABC = ΔDEF    Chu vi ΔABC  AB+BC+CA = 4+6+5 = 15cm  ⇒ chu vi ΔDEF bằng 15 cm  Chu vi tam giác ABC bằng 15cm và chu vi của ΔDEF bằng 15cm. |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 14 phút)**  **Mục đích:** Vận dụng thành thạo định nghĩa và kí hiệu hai tam giác bằng nhau.  **Phương pháp:**Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV cho học làm bài 14 ,yêucầu HS hoạt động nhóm  - GV cử đại diện 1 nhóm trưởng lên trình bày, các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét  - GV treo bảng phụ vẽ sẵn các hình, yêu cầu HS chỉ ra các tam giác bằng nhau trên hình. | -HS hoạt động nhóm  -HS lên bảng trình bày  Đỉnh B tương ứng đỉnh K; A tương ứng với I; C tương ứng với H.  ΔABC = ΔIKH.  -HS nhận xét  - HS trả lời: | **Bài 14 (SGK)**  Đỉnh B tương ứng đỉnh K;  A tương ứng với I;  C tương ứng với H.  ΔABC = ΔIKH. |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 3 phút)**  ***Mục tiêu:***Củng cố định nghĩa và các kí hiệu bằng nhau của hai tam giác  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| -GV đặt câu hỏi HS đứng tại chỗ trả lời  + Định nghĩa hai tam giác bằng nhau?  + Khi viết kí hiệu về hai tam giác bằng nhau ta phải chú ý điều gì? | - HS trả lời:  +Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau và các góc tương ứng bằng nhau  +Khi viết kí hiệu chú ý các đỉnh tương ứng |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)**  ***Mục tiêu:***Học sinh chủ động làm các bài tập về nhà khắc sâu định nghĩa và kí hiệu bằng nhau của hai tam giác, nhớ lại cách vẽ tam giác khi biết độ dài 3 cạnh  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| -Ôn cách vẽ tam giác biết ba cạnh.  -Bài tập: Bài 22 🡢 26 - SBT. | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 22** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ NHẤT**  **CỦA TAM GIÁC (C.C.C)** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

1. **Kiến thức:**Học sinh nắm được trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh của hai tam giác.
2. **Kỹ năng:**

- HS biết vẽ hai tam giác biết ba cạnh của nó.

- HS chứng minh được hai tam giác bằng nhau c – c – c .

- HS chứng minh đúng hai góc bằng nhau.

1. **Thái độ:**

Rèn kĩ năng lập luận cho HS.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:***Nhắc lại định nghĩa hai tam giác bằng nhau  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, trực quan. | | |
| - GV: Nêu câu hỏi.  + Nêu định nghĩa hai tam giác bằng nhau.  + Để kiểm tra xem hai tam giác có bằng nhau không ta kiểm tra những điều kiện gì?  - GV dẫn dắt vào bài: Không cần xét các góc vẫn biết hai tam giác có bằng nhau không? Đó là nội dung cần tìm hiểu ở bài hôm nay. | - HS lắng nghe và trả lời:  + Hai tam giác bằng nhau là hai tam giác có các cạnh tương ứng bàng nhau, các góc tương ứng bằng nhau.  + Để kiểm tra hai tam giác có bằng nhau hay không ta kiểm tra các cạnh tương ứng có bằng nhau hay không, các góc tương ứng có bằng nhau hay không. |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.( 25 phút)**  ***Mục tiêu***: Nhớ lại cách vẽ tam giác khi biết độ dài 3 cạnh. Đưa ra cách chứng minh hai tam giác bằng nhau trong trường hợp c – c – c  ***Phương pháp:*** Thuyết trình, thảo luận, vấn đáp | | |
| - GV: Trước khi vào vấn đề , ta ôn lại cách vẽ tam giác khi biết ba cạnh..  - GVxét bài toán 1:  Vẽ ΔABC biếtAB = 2cm; BC = 4cm; AC = 3cm.  - GV cho HS nêu lại cách vẽ.  + Vẽ một trong các cạnh đã cho, chẳng hạn vẽ BC = 4cm.  + Trên cùng một nửa mặt phẳng bờ BC vẽ các cung tròn (B; 2cm) và(C; 3cm)  + Hai cung tròn trên cắt nhau tại A.  + Vẽ đoạn thẳng AB; AC được tam giác ABC.  - GV nêu bài toán 2 như SGK. Yêu cầu HS trình bày cách vẽ và vẽ vào vở . 1HS lên bảng vẽ.  - GV em hãy đo và so sánh các góc tương ứng của hai tam giác ABC và A’B’C’ rồi nhận xét về hai tamgiác trên.  - GV (hỏi) qua hai bài toán trên em có thể đưa ra dự đoán nào?  + Ta thừa nhận tính chất sau: Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng nhau  + Đưa nội dung kết luận lên bảng phụ.  Nếu ΔABC và ΔA’B’C’ có:  AB = A’B’  AC = A’C’  BC = B’C’  Thì kết luận gì về hai tam giác này?  + GV giới thiệu: bằng nhau trường hợp cạnh – cạnh – cạnh (c-c-c)  + Củng cố bài ?2  Tìm số đo của góc B trên hình 67.  \* Yêu cầu:  + Hai tam giác trên có những yếu tố nào bằng nhau?  + Muốn tìm  ta phải có điều kiện gì?  + Hai tam giác ACD và BCD có bằng nhau không? Vì sao?  + Cho HS lên bảng trình bày.  - GV nhận xét | - HS lắng nghe  - HS trả lời:  - HS đọc bài toán, học sinh khác nêu cách vẽ. 1HS lên bảng vẽ.  - HS cả lớp vẽ vào vở.  - HS cả lớp vẽ tam giác A’B’C’ vào vở.  - HS lên bảng đo và so sánh , trả lời.    - HS hai tam giác có ba cạnh bằng nhau thì bằng nhau.  - HS lắng nghe ghi bài vào vở  - HS trả lời:  (c.c.c)  - HS trả lời:  AC = BC  AD = BD  CD cạnh chung.  - HS: ΔACD và ΔBCD bằng nhau.  Bằng nhau vì theo tính chất c-c-c.  HS nhận xét. | **1) Vẽ tam giác (SGK)**  **2)Trường hợp bằng nhau cạnh – cạnh – cạnh**  Nếu ba cạnh của tam giác này bằng ba cạnh của tam giác kia thì hai tam giác đó bằng n  Bài tập ?2 |
| **C. Hoạt động luyện tập ( 8 phút)**  **Mục đích:**  **Phương pháp:**Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận. | | |
| *-* GV cho học sinh đọc bài 16.  Yêu cầu học sinh:  + Vẽ ΔABC.  + Đo các góc của ΔABC.  - GV treo bảng phụ ghi sẵn bài 17.  + Yêu cầu HS hoạt đông theo nhóm.  + Yêu cầu đại diện nhóm trình bày.  GV trình bày mẫu bài chứng minh ở hình 68.  + Cho học sinh nhắc lại tính chất. | - HS đọc và vẽ hình vàovở.  HS khác lên bảng vẽ hình và đo:  = 600  - HS hoạt động nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày.  ΔABC=ΔABD  ΔPMQ = ΔNQM  ΔHEI = ΔKIE  ΔEHK = ΔIKH  HS nhắc lại tính chất. | **Bài 16 (SGK)**  = 600  **Bài 17 (SGK)**  ΔABC; ΔABD có:  + AC = AD (gt)  + BC = BD (gt)  + AB cạnh chung.  ⇒ΔABC = ΔABD (c.c.c) |
| **D. Hoạt động vận dụng ( 5 phút)**  ***Mục tiêu:***Rèn luyện cách chứng minh hai góc bằng nhau thông qua chứng minh hai tam giác bằng nhau  ***Phương pháp***: Thuyết trình, vấn đáp | | |
| - Yêu cầu HS làm cá nhân  - Cho HS trình bày kết quả bài làm, nhận xét đánh giá  - Nếu không còn thời gian thì giao cho HS về nhà hoàn thành bài làm | - HS đọc bài  - Lên bảng trình bày kết quả  - HS nhận xét | **Bài 18 (SGK)** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( 1 phút)**  ***Mục tiêu:***Nắm vững trường hợp bằng nhau c-c-c  ***Phương pháp***: Ghi chép | | |
| BTVN: 19, 21 SGK | - Cá nhân HS thực hiện yêu cầu của GV, thảo luận cặp đôi để chia sẽ góp ý (trên lớp – về nhà) |  |

**Ngày soạn: ………………… Ngày dạy: ……………………Lớp: ……………….Tiết…….**

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 23** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ NHẤT**  **CỦA TAM GIÁC (C.C.C)(T2)** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**HS biết vẽ một tam giác khi biết 3 cạnh của nó. HS hiểu được trường hợp bằng nhau cạnh– cạnh– cạnh của hai tam giác.

**2. Kỹ năng:**HS thực hiện được chứng minh hai tam giác bằng nhau theo trường hợp c.c.c. HS thực hiện thành thạo vẽ tam giác khi biết độ dài ba cạnh.

**3. Thái độ:**Cẩn thận, chính xác.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, thước đo góc, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( phút)**  ***Mục tiêu:***hình dung được vấn đề bài học  ***Phương pháp:***vấn đáp | | |
| ? Khi nào thì hai tam giác được gọi là bằng nhau? Vẽ hai tam giác bằng nhau, chỉ ra các đỉnh, các góc và các cạnh tương ứng của hai tam giác đó?  -GV:Ở bài trước ta biết khi các cạnh và các góc tương ứng của hai tam giác bằng nhau thì hai tam giác ấy bằng nhau. Vậy nếu không cần xét các góc có thể khẳng định hai tam giác bằng nhau hay không? | HS trả lời |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Vẽ tam giác khi biết 3 cạnh. (phút)**  ***Mục tiêu***: HS biết vẽ một tam giác khi biết 3 cạnh của nó  ***Phương pháp:***hđ cá nhân, hđ nhóm | | |
| -GV gọi HS đọc đề bài toán SGK/112, sau đó HS hoạt động nhóm thực hiện theo các bước mà SGK hướng dẫn, đại diện nhóm lên bảng trình bày.  -GV chốt  -GV cho HS làm bài tập 15 (SGK – 114) | -HS hoạt động nhóm rồi đại diện nhóm lên bảng thực hiện  -HS nhóm khác nhận xét  -HS làm việc cá nhân sau đó đổi vở kiểm tra vòng tròn  -HS lên bảng thực hiện | **1.Vẽ tam giác biết ba cạnh**  ***Bài toán***: Vẽ tam giác ABC, biết AB = 2cm,  BC = 4cm, AC = 3cm.  Giải:  - Vẽ đoạn thẳng BC =4cm  - Trên cùng một nữa mặt phẳng bờ BC, vẽ cung tròn tâm B bán kính 2cm và cung tròn tâm C bán kính 3cm  - Hai cung tròn trên cắt nhau tại A  - Vẽ các đoạn thẳng AB, AC ta được tam giác ABC  ***\*Bài 15(SGK – 114)*** |
| **Hoạt động 2: *Trường hợp bằng nhau cạnh- cạnh- cạnh*( phút)**  ***Mục tiêu:***HS hiểu được trường hợp bằng nhau cạnh– cạnh– cạnh của hai tam giác  ***Phương pháp:***hđ cá nhân, hđ nhóm | | |
| -GV cho HS làm ?1 SGK  -1 HS lên bảng vẽ hình  -GV: Khi hai tam giác có các cạnh tương ứng bằng nhau thì chúng có mối quan hệ với nhau như thế nào?  -GV giới thiệu tính chất | -HS vẽ cá nhân sau đó đổi vở kiểm tra  -HS đo rồi so sánh các góc của hai tam giác trên rồi trả lời | **2. Trường hợp bằng nhau cạnh- cạnh- cạnh**  ***\* Tính chất:*** (SGK – 113)  Nếu  và  có:  AB = A’B’  AC = A’C’  BC = B’C’  thì |
| **C. Hoạt động luyện tập ( phút)**  Mục đích: nhận biết được 2 tam giác bằng nhau theo trường hợp cạnh cạnh cạnh  Phương pháp: | | |
| -GV cho HS làm ?3 SGK | -HS thực hiện | ***?3/SGK***:  vì  AC = CB (gt)  AD = BD(gt)  CD là cạnh chung |
| **D. Hoạt động vận dụng ( phút)**  ***Mục tiêu:***Chứng minh được 2 tam giác bằng nhau theo trường hợp c.c.c  ***Phương pháp***: hđ cặp đôi, gợi mở vấn đáp. | | |
| Y/c HS hoạt động cặp đôi làm ***Bài 17(SGK – 114)***  Chấm điểm 1 số cặp đôi  GV gọi HS yếu lên bảng làm hình 68; 69 bài 17; HS khá làm hình 70 | -HS thực hiện | ***Bài 17(SGK – 114)*** |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( phút)**  ***Mục tiêu:***khơi gợi sự tò mò cho HS  ***Phương pháp***: gợi mở | | |
| ? Tìm hiểu cách vẽ tia phân giác của một góc bằng compa và thước thẳng? | -HS về nhà suy nghĩ |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 24** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

# 1. Kiến thức:HS biết hai tam giác bằng nhau không nhất thiết phải chứng minh 3 góc bằng nhau, 3 cạnh bằng nhau. HS hiểu trường hợp bằng nhau thứ nhất của tam giácc-c-c

**2. Kỹ năng:**HS thực hiện được: vẽ một góc bằng một góc cho trước bằng thước và compa. HS thực hiện thành thạo chứng minh hai tam giác bằng nhau

**3. Thái độ:**cẩn thận, nghiêm túc trong học tập

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( phút)**  ***Mục tiêu:***  ***Phương pháp:*** | | |
| -GV yêu cầu HS nhắc lại trường hợp bằng nhau c.c.c của hai tam giác  -GV cho HS lên bảng vẽ tam giác khi biết 3 cạnh, dùng thước và compa để vẽ một góc bằng góc cho trước | -HS thực hiện  -2HS lên bảng, HS cả lớp vẽ vào vở và đổi vở kiểm tra |  |
| **C. Hoạt động luyện tập ( phút)**  Mục đích:  Phương pháp: | | |
| -GV chiếu đề bài tập  -GV: Bài toán cho gì? Yêu cầu gì?  GV yêu cầu HS hoạt động nhóm làm 3a)  GV quan sát và hổ trợ giúp  Đánh giá nhận xét một số nhóm  Y/c HS hoạt động cá nhân làm  -GV: 2 tam giác ABC và ECB có những yếu tố nào bằng nhau?  -GV: Vậy 2 tam giác đó bằng nhau theo trường hợp nào?  -GV: tương tự hãy cm ECB = FCB?  -GV gọi 2 HS lên bảng trình bày câu a)  -GV: Để chứng minh AB // CF ta cần chứng minh điều gì?  -GV: ABC = FCB ta suy ra điều gì?  -GV yêu cầu HS đc nghe giảng của nhóm lên bảng trình bày 1 ý do GV yêu cầu  -GV nhận xét, chỉnh sửa cần thiết  -GV chốt lại: Từ hai tam giác bằng nhau suy ra các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng bằng nhau, áp dụng để chứng minh 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 đường thẳng song song. | HS vẽ.  -HS: AB = EC (gt), BC là cạnh chung,  AC = EB (gt)  -HS trả lời  -HS hđ nhóm 4 HS, 3 HS giảng cho các HS còn lại nghe 1 ý, HS thứ 4 lên bảng trình bày một ý bất kì do GV yêu cầu  -HS: = | Cho ABC. Lấy điểm B làm tâm vẽ đường tròn (B; AC). Lấy C làm tâm vẽ đường tròn (C; AB). Hai đường tròn này cắt nhau tại hai điểm E và F thuộc hai nửa mặt phẳng đối nhau bờ là BC.  a)Cm: ABC = ECB = FCB  b)Cm: AB // CF, AC // BF  c)Cm: ABE = ECA  Giải:  a)Ta có: AB = EC (gt)  BC là cạnh chung  AC = EB (gt)  =>ABC = ECB (c.c.c) (1)  Lại có: EC = FC (cùng bằng AB)  EB = FB (cùng bằng AC)  BC là cạnh chung  =>ECB = FCB (c.c.c) (2)  Từ (1) và (2) suy ra : ABC = ECB = FCB  b) Vì : ABC = FCB (cmt)  nên = (2 góc tương ứng)  =>AB // CF (2 góc so le trong bằng nhau)  = (2 góc tương ứng)  =>AC // BF (2 góc so le trong bằng nhau)  c) Xét ABE và ECA có:  AB = EC (gt)  BE = AC (gt)  AE là cạnh chung  ABE = ECA (c.c.c) |
| **D. Hoạt động vận dụng ( phút)**  ***Mục tiêu:***Biết vẽ tia phân giác của một góc bằng thước và compa  ***Phương pháp***: hđ nhóm | | |
| -GV tổ chức cho HS vẽ tia phân giác của một góc bằng thước và compa (bài 20sgk/115)  Qua mỗi bước cho HS kiểm tra chéo vở nhau và nhận xét cho nhau  -GV hd HS khẳng định tại sao tia OC vừa vẽ lại là tia phân giác của góc xOy  -GV vẽ 1 góc mOn và yêu cầu 1 HS lên bảng vẽ tia phân giác của góc mOn  -GV chốt | -Các HS khác vẽ hình vào vở, nx hình trên bảng  -HS kiểm tra hình mình vừa vẽ và sửa nếu vẽ sai |  |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( phút)**  ***Mục tiêu:***khơi gợi sự tò mò tìm hiểu thêm các TH bằng nhau khác của tam giác  ***Phương pháp***: gợi mở | | |
| ?Nếu 2 tam giác chỉ có 2 cặp cạnh tương ứng bằng nhau và 1 cặp góc tương ứng bằng nhau thì liệu 2 tam giác đó có bằng nhau không? | -HS về nhà suy nghĩ |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 25** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ HAI**  **CỦA TAM GIÁC C.G.C** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**HS vẽ tam giác khi biết hai cạnh và góc xen giữa. HS hiểu được trường hợp bằng nhau c.g.c của hai tam giác.

# 2. Kỹ năng:HS biết chứng minh 2 tam giác bằng nhau theo trường hợp c.g.c. Biết sử dụng 2 tam giác bằng nhau để suy ra 2 góc bằng nhau hay hai đoạn thẳng bằng nhau.

**3. Thái độ:**cẩn thận, chính xác.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT.

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( phút)**  ***Mục tiêu:***HS biết cách vẽ tam giác khi biết 2 cạnh và góc xen giữa  ***Phương pháp:***hđ cá nhân, hđ nhóm. | | |
| ?Phát biểu trường hợp bằng nhau thứ nhất của 2 tam giác c.c.c?  -GV chiếu hình vẽ và có AB = DE, BC = EF.  ?Bổ sung điều kiện gì để hai tam giác bằng nhau theo TH c.c.c?  -ĐVĐ: Nếu AC không bằng DF mà lại có góc B bằng góc E thì 2 tam giác này có bằng nhau không? | -HS trả lời  -HS trả lời  -HS trả lời: AC = DF |  |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Vẽ tam giác biết hai cạnh và góc xen giữa**  ***Mục tiêu***: HS biết vẽ tam giác biết hai cạnh và góc xen giữa  ***Phương pháp:***hđ cá nhân, nhóm. | | |
| - GV chiếu hình vẽ và giới thiệu góc xen giữa 2 cạnh  -GV chiếu hình vẽ và củng cố góc xen giữa 2 cạnh cho HS.  -GV: Để vẽ tam giác khi biết 2 cạnh và góc xen giữa ta vẽ yếu tố nào trước?  -GV hướng dẫn HS cách vẽ nếu HS quên cách vẽ một góc cho trước:  + Vẽ  + Trên tia Bx lấy điểm A, BA = 2cm. Trên tia By lấy điểm C sao cho BC = 3cm. Vẽ đoạn thẳng AC ta được tam giác ABC.  ? là góc xen giữa 2 cạnh nào?  -GV yêu cầu HS làm ?1  ?Ban đầu tam giác ABC và tam giác A’B’C’ có những yếu tố nào bằng nhau?  ?Vậy em có rút ra kết luận gì? | -HS hđ nhóm làm ?1 và kiểm tra chéo trong nhóm  -HS trả lời | **1. Vẽ tam giác biết hai cạnh và góc xen giữa**  Bài toán: Vẽ tam giác ABC, AB = 2cm, BC = 3cm, |
| **Hoạt động 2: Trường hợp bằng nhau cạnh- góc- cạnh (phút) ( phút)**  ***Mục tiêu:***HS hiểu được trường hợp bằng nhau c.g.c của hai tam giác.  ***Phương pháp:*** | | |
| -GV giới thiệu TH bằng nhau c.g.c của tam giác  -GV: = theo trường hợp c.g.c khi nào?  -GV trình bày mẫu dạng bài chứng minh 2 tam giác bằng nhau theo TH c.g.c.  ?Trở lại vấn đề đầu giờ: 2 tam giác ABC và DEF có bằng nhau không? | -HS: ABC =DEF (c.g.c) | **2. Trường hợp bằng nhau cạnh- góc- cạnh**  \****Tính chất***: Sgk  Nếu và có:  AB = A’B’  =  BC = B’C’  Thì = (c.g.c) |
| **C. Hoạt động luyện tập ( phút)**  Mục đích: luyện cách chứng minh 2 tam giác bằng nhau theo TH c.g.c  Phương pháp: hđ nhóm | | |
| -GV yêu cầu HS hđ nhóm làm ?2  -GV chiếu phản ví dụ: hình 2 tam giác có 2 cặp cạnh bằng nhau và có cặp góc không xen giữa bằng nhau để nhấn mạnh cho HS | -HS thực hiện | **?2:**  Xét và có:  AB = AD  =  AC là cạnh chung  Suy ra = (c.g.c)  **Phản ví dụ** |
| **D. Hoạt động vận dụng ( phút)**  ***Mục tiêu:***hiểu TH bằng nhau thứ 2 của tam giác  ***Phương pháp***: hoạt động nhóm, trò chơi | | |
| -GV cho HS hđ nhóm làm ví dụ  Trò chơi ai nhanh ai đúng  Các nhóm làm vào bảng nhóm trong thời gian 5 phút nhóm nào làm xong và đúng nhóm đó chiến thắng  GV cùng cả lớp nhận xét các nhóm, sữa sai, giáo viên cho điểm. |  | Ví dụ: |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( phút)**  ***Mục tiêu:***  ***Phương pháp***: | | |
| Hai anh Sơn và Hà vừa được thừa kế hai mảnh vườn hình tam giác kề nhau, chẳng may ngôi nhà anh Sơn đang ở trước đây không nằm trọn trong mảnh vườn. Anh Sơn rất muốn xác định **chu vi mảnh vườn** của mình, nhưng lại không thể nào đo được đường ranh IG. Có cách nào giúp anh Sơn? **Biết rằng 2 bờ rào GH và IK song song và bằng nhau.** |  |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 26** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ HAI**  **CỦA TAM GIÁC C.G.C(T2)** |

**I. MỤC TIÊU**

Qua bài này giúp học sinh:

**1. Kiến thức:**HS hiểu TH bằng nhau của tam giác vuông

**2. Kỹ năng:**Chứng minh đc 2 tam giác bằng nhau theo TH c.g.c

**3. Thái độ:**cẩn thận, chính xác.

**4. Định hướng năng lực, phẩm chất**

***- Năng lực:*** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực ngôn ngữ, năng lực tự học.

***- Phẩm chất:*** Tự tin, tự chủ.

**II. CHUẨN BỊ**

1. Giáo viên: Phấn màu, bảng phụ, thước thẳng, SGK, SBT

2. Học sinh: Đồ dùng học tập, đọc trước bài.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số. (**1 phút**)

2. Nội dung:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **Nội dung** |
| **A. Hoạt động khởi động ( phút)**  ***Mục tiêu:***HS ôn tập lại TH bằng nhau thứ 2 của tam giác  ***Phương pháp:***hđ nhóm | | |
| GV chiếu bài tập | -HS làm nhóm | Hai tam giác sau có bằng nhau không ? Vì sao? |
| **B. Hoạt động hình thành kiến thức.**  **Hoạt động 1: Hệ quả (phút)**  ***Mục tiêu***:  ***Phương pháp:*** | | |
| GV: Yêu cầu học sinh hoạt động nhóm.  GV: Kiểm tra bài làm của 1 nhóm và đặt vấn đề vào mới  GV: Nêu vấn đề: Hai tam giác vuông bằng nhau khi nào ? |  | **3. Hệ quả**  **?3:** Xét ( 900 ) và ( 900) có:  AB = DE  = 900  AC = DF  Suy ra = (c.g.c)  \*Hệ quả: sgk/118 |
| **C. Hoạt động luyện tập ( phút)**  Mục đích: luyện tập trường hợp bằng nhau của tam giác vuông  Phương pháp: hđ cá nhân | | |
| -GV chiếu đề bài và vẽ lại hình trên bảng  GV: Yêu cầu học sinh hoạt động cá nhân làm VD  GV: Cho 1 học sinh lên trình bày | HS hđ cá nhân làm bài | Ví dụ: Tìm cặp tam giác bằng nhau trong hình vẽ |
| **D. Hoạt động vận dụng ( phút)**  ***Mục tiêu:***Hiểu rõ TH bằng nhau của 2 tam giác vuông  ***Phương pháp***: Hđ nhóm | | |
| -GV chiếu đề bài VD2  -GV gọi HS lên bảng làm bài  -GV chốt | -HS hđ nhóm làm bài  -Đại diện nhóm lên bảng trình bày  -HS dưới lớp kiểm tra chéo | VD2: Tìm các cặp tam giác bằng nhau trong hình vẽ dưới và giải thích |
| **E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng ( phút)**  ***Mục tiêu:***khái quát lại kiến thức toàn bài  ***Phương pháp***: hđ nhóm | | |
| -GV yêu cầu HS hđ nhóm vẽ sơ đồ tư duy tổng kết kiến thức toàn bài vào bảng nhóm  -GV nhận xét sơ đồ tư duy của nhóm nhanh nhất | -HS thực hiện |  |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 27** | **LUYỆN TẬP** |

**I.MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**Qua bài này giúp học sinh:**

**1/ Kiến thức:** Tiếp tục giải các bài tập chứng minh hai tam giác bằng nhau (Trường hợp c.c.c; c.g.c)

**2/ Kĩ năng:** Rèn luyện kỹ năng áp dụng trường hợp bằng nhau của hai tam giác cạnh – góc - cạnh để chỉ ra hai tam giác bằng nhau, từ đó chỉ ra 2 cạnh, 2 góc tương ứng bằng nhau. Rèn kỹ năng vẽ hình, chứng minh.

**3/ Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác trong toán học, phát huy trí lực cho HS.

**4/** **Định hướng năng lực được hình thành:**

-Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**- Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ.

**II.CHUẨN BỊ**

**1/ Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo

Phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, ê ke, bảng phụ, compa.

**2/ Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, thước thẳng, thước đo góc, ê ke, compa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1. Ổn định lớp: Kiểm tra sĩ số.** (**1 phút**)

- Lớp 7A... Ngày .../ ... / 20... . Sĩ số: ...................Vắng: ..........................

**2/ Nội dung**

Bài mới

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** | | **NỘI DUNG** | |
| 1. **Hoạt động khởi động:Chữa bài tập.**   **Mục tiêu; :** Củng cố trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc của hai tam giác.  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình,  **Thời gian: 3’** | | | | |
| **1.Chữa bài tập.**  Goị HS đọc đề bài  Cho HS Chữa bài.  GV cho lớp nhận xét câu trả lời của bạn.  \* Cho AB = EF; BC = FD  Cần thêm điều kiện nào nữa để ABC=EFD  trong trường hợp c-c-c; c-g-c?  \*Cho BC = ED,  Cần thêm điều kiện nào nữa để ABC =FED  trong trường hợp c-g-c? | | HS làm bài 30/120.  HS sửa bài.  Lớp nhận xét câu trả lời của bạn.  \* AC = ED (c-c-c)  (c-g-c)  \* AB = FD | | **I. Chữa bài:**  **Bài 30/sgk-120:**  Không thể kết luận  ABC =A’BC  Vì góc bằng nhau (300) không xen giữa hai cạnh bằng nhau. |
| **B.Hoạt động Luyện tập**  **Mục tiêu; :** Củng cố trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc của hai tam giác.  Rèn kỹ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau cạnh − góc − cạnh.  - Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề , phối hợp nhóm.  **Thời gian: 33’** | | | | |
| **2. Luyện tập.**  **Bài 31/120:**  Gọi 1 HS đọc đề bài.  Goị HS lên bảng vẽ hình và ghi GT - KL.  GV hướng dẫn HS giải:  - Độ dài MA và MB như thế nào với nhau?  - Hãy c/m điều đó.  Gọi HS lên bảng trình bày lại lời giải  Cho lớp nhận xét và sửa sai.  GV bổ sung những thiếu sót.  **Bài 32-SBT**: (treo bảng phụ)  - Bài toán cho gì? Yêu cầu làm gì ?  - Hãy dự đoán tia nào là tia phân giác trên hình 91.  GV hdẫn HS cminh btoán.  Chứng minh theo sơ đồ sau:  ;AH=KH;BH:chg          BC là tia phân giác của  - Tương tự cho HS c/m CB là tia phân giác của .  GV chốt lại cách làm. | | **Bài 31/120**:  1HS đọc đề bài.  1HS lên bảng vẽ hình và ghi GT - KL.  HS giải bài toán theo sự hướng dẫn của GV.  HS trả lời các câu hỏi của GV.  1HS lên bảng trình bày lời giải.  Cả lớp nhận xét và sửa sai.  **Bài 32-SBT**:  Quan sát bảng phụ và trả lời câu hỏi của GV.  HS dự đoán các tia phân giác có trên hình vẽ.  HS cminh theo hdẫn của GV.  1HS leân baûng trình baøy baøi giaûi (theo sô ñoà)  Cả lớp chữa lời giải vào vở.  HS chú ý lắng nghe. | | **II.Luyện tập:**  **Bài 31/sgk-120**:   |  |  | | --- | --- | | GT | IA = IB, d AB tại I  M d | | KL | So sánh MA , MB |   Giải:  Gọi I là trung điểm của AB.  \*TH1: M I AM = MB  \*TH2: M I:  Xétt AIM, BIM có:  AI = IB (gt)  ((vì d AB theo gt)  MI chung  AIM = BIM (c.g.c)  AM = BM  **Bài 32-SBT**:  Tìm các tia phân giác trên hình  Giải:  - Xét và có:    AH = KH (gt)  BH: cạnh chung      Vậy BC là tia phaân giác của .  - Tương tự ta có:  Vậy CB là tia phân giác của . |
| **Kiểm tra**  Câu 1:(4đ) Phát biểu các trường bằng nhau (đã học) của hai  Câu 2:(6đ) Cho tam giác MNP có MN = MP. Tia phân giác của góc NMP cắt cạnh NP tại Q.Chứng minh rằng a) QN = QP. b) MQ NP | | | | |
| **Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà** | | | | |
| + Học kỹ, nắm vững tính chất bằng nhau của hai tam giác trường hợp c.c.c ; c.g.c  + BTVN: 30, 35, 39, 47 SBT/102, 103  **+** Chuẩn bị tiết sau: **“TH bằng nhau thứ ba của tam giác góc – cạnh – góc (g.c.g)** | | | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 28** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ BA**  **CỦA TAM GIÁC G.C.G** |

**I.MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**Qua bài này giúp học sinh:**

**1/ Kiến thức:** HS phát biểu được trường hợp bằng nhau góc - cạnh - góc của hai tam giác

**2/ Kĩ năng:** Biết cách vẽ một tam giác biết một cạnh và hai góc kề cạnh đó. Rèn luyện kỹ năng sử dụng trường hợp bằng nhau của hai tam giác g – c – g để chứng minh hai tam giác bằng nhau, từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng bằng nhau.

**3/ Thái độ:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ, rèn tính cẩn thận và chính xác trong vẽ hình. Biết trình bày bài toán chứng minh hai tam giác bằng nhau.

**4/** **Định hướng năng lực được hình thành:**

**-Năng lực chung:** năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**- Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ.

**II.CHUẨN BỊ**

**1/ Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo

Phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, êke, bảng phụ.

**2/ Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, thước thẳng, thước đo góc, nghiên cứu **§**5

**IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1/ Ổn định lớp**: Điểm danh (2 phút)

- Lớp 7A... Ngày .../ ... / 20... . Sĩ số: ...................Vắng: ..........................

**2/ Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **A.Hoạt động Kiểm tra bài cũ (5 phút)**  **Mục tiêu :** HS phát biểu được hai trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  Rèn kỹ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau  Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| - GV: nêu yêu cầu kiểm tra  + Phát biểu trường hợp bằng nhau thứ nhất ccc và trường hợp bằng nhau thứ hai cgc của hai tam giác.  + Yêu cầu minh họa qua hai tam giác cụ thể: ΔABC và ΔA’B’C’.  - GV: gọi HS nhận xét  - Đặt vấn đề: Nếu ΔABC và ΔA’B’C’ có ; BC = B’C’; thì hai tam giác có bằng nhau hay không ? Đó là nội dung bài học hôm nay  - GV: ghi bài | - HS: lên bảng trả lời và vẽ hình  - HS: nhận xét, bổ sung  - HS: Lắng nghe GV đặt vấn đề. |  |
| **B.Hoạt động hình thành kiến thức:**  **Hoạt động 1:Tìm hiểu Vẽ tam giác biết một cạnh và hai góc kề (15 phút)**  **Mục tiêu:** HS biết cách vẽ một tam giác biết một cạnh và hai góc kề  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| - GV: Yêu cầu làm bài toán SGK:  - GV: Ghi lại cách vẽ lên bảng:  - GV: hướng dẫn HS vẽ hình theo từng bước  - GV: yêu cầu HS tập vẽ vào vở. | -1 HS đọc lại đầu bài toán.  - Các HS khác suy nghĩ và nêu cách vẽ.  - Thực hành vẽ trên bảng  - Cả lớp tập vẽ vào vở. | **Tiết 28. §5. Trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác góc – cạnh – góc (g – c – g )**  **1. Vẽ tam giác biết một cạnh và hai góc kề**  \* Bài toán: Vẽ ΔABC biết BC = 4cm, = 60o; = 40o;  x  B  A  C  y  600  400  4 cm  Cách vẽ:  + Vẽ đoạn thẳng BC = 4 cm  + Trên cùng một nửa mp bờ BC, vẽ các tia Bx, Cy sao cho:  + Hai tia trên cắt nhau tại A, ta được ΔABC |
| **Hoạt động 2: Tìm hiểu Trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc (15 phút)**  **Mục tiêu :** HS nắm được trường hợp bằng nhau thứ ba của tam giác  - Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| - GV: yêu cầu HS làm ?1  Vẽ thêm ΔA’B’C’ có:  B’C’ = 4cm, = 60o; = 40o  - GV gọi HS nêu cách làm và lên bảng trình bày cách làm.  - GV: qua đây em nào rút ra định lý  - GV gọi HS ghi giả thiết, kết luận của định lí.  - GV: Hỏi:  + ΔABC = ΔA’B’C’ khi nào?  +Có thể thay đổi cạnh góc bằng nhau khác có được không?  - GV: yêu cầu HS làm ?2 | - HS: suy nghĩ làm ?1 ra nháp  - HS: nêu cách vẽ, lên bảng trình bày  - HS: rút ra định lý  - HS: lên bảng viết GT – KL  - HS: Trả lời:  + Nếu ΔABC và ΔA’B’C’ có ; BC = B’C’; thì ΔABC = ΔA’B’C’ (g.c.g)  + Có thể: ; AB = A’B’ ; . Hoặc ; AC = A’C’ ;  - HS: suy nghĩ trả lời ?2 | **2. Trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc**  \* ?1:  ΔABC = ΔA’B’C’ nếu  BC = B’C’;  \* Định lý: SGK/ 121  A  B  C  A'  C'  B'  và  GT  BC = B’C’    KL  \* ?2  + Hình 94:  ΔABD = ΔCDB (g.c.g)  + Hình 95:  ΔOEF = ΔOGH (g.c.g)  + Hình 96:  ΔABC = ΔEDF (g.c.g) |
| **Hoạt động 3:Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà** | | |
| + Nắm được trường hợp bằng nhau góc – cạnh - góc của hai tam giác  + BTVN: 33; 35; 35; 37 SGK/ 123  **+** Chuẩn bị tiết sau : **“Luyện tập”** | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 29** | **TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU THỨ BA**  **CỦA TAM GIÁC G.C.G(T2)** |

**I.MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**Qua bài này giúp học sinh:**

**1/ Kiến thức:** HS phát biểu được hệ quả của trường hợp bằng nhau góc - cạnh - góc của hai tam giác.

**2/ Kĩ năng:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng trường hợp bằng nhau của hai tam giác g – c – g để chứng minh hai tam giác bằng nhau, từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng bằng nhau.

**3/ Thái độ:** Rèn luyện kỹ năng sử dụng dụng cụ, rèn tính cẩn thận và chính xác trong vẽ hình. Biết trình bày bài toán chứng minh hai tam giác bằng nhau.

**4/** **Định hướng năng lực được hình thành:**

-Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

**- Phẩm chất:** Tự tin, tự chủ.

**II.CHUẨN BỊ**

**1/ Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo

Phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, êke, bảng phụ.

**2/ Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, thước thẳng, thước đo góc, nghiên cứu **§**5

**IV.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1/ Ổn định lớp**: Điểm danh (2 phút)

- Lớp 7A... Ngày .../ ... / 20... . Sĩ số: ...................Vắng: ..........................

**2/ Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **A.Hoạt động Kiểm tra bài cũ (5 phút)**  **Mục tiêu :** HS phát biểu được hai trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  Rèn kỹ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau  Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| Y/c HS đọc đề, quan sát hình ở bảng phụ.  -Muốn biết các ta giác nào bằng nhau ta cần kiểm tra nhẵng đk nào?  -Y/c HS làm theo nhóm trong 5 phút.  -Thu bảng 2 nhóm để kiểm tra.  -Thống nhất đáp án, y/c các nhóm khác tự kiểm tra | -HĐ nhóm, làm trên bảng nhóm, thi đua trong 5 phút.  -Cùng kiểm tra bài nhóm bạn.  -Các nhóm khác đối chiếu bài với đáp án.  -1 HS **yếu** đọc đề.  -Vẽ hình vào vở.  -1HS lên bảng ghi, cả lớp làm nháp.  -Trả lời: c/m tam giác chứa các cạnh đó bằng nhau.  -Trả lời. | Hình 101:  ABC=EDF  vì: ; BC=ED=3  Hình 102: Không có.  Hình 103: NRQ=RNP  vì: ;  NR là cạnh chung;  C  D  B  A |
| **Hoạt động 3: Tìm hiểu Hệ quả (26 phút)**  **Mục tiêu:** HS nắm được hệ quả các trường hợp bằng nhau của tam giác đối với tam giác vuông  - Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề , phối hợp nhóm.  **Thời gian: 33’** | | |
| - GV: Yêu cầu HS quan sát hình 96 cho biết tại hai tam giác vuông bằng nhau, khi nào?  - GV: Đó là trường hợp bằng nhau góc cạnh góc hai tam giác vuông. Ta có hệ quả 1 trang 122.  - GV: Ta xét tiếp hệ quả 2 SGK. Yêu cầu 1 HS đọc hệ quả 2.  - GV: Vẽ hình lên bảng. | - HS: quan sát hình 96 và trả lời: hai tam giác vuông bằng nhau khi có một cạnh góc vuông và một góc nhọn kề cạnh ấy của tam giác này ….  -1 HS đọc lại hệ quả 1 SGK.  -1 HS đọc hệ quả 2 SGK.  -Vẽ hình vào vở theo GV. | **3. Hệ quả:** SGK  a)Hệ quả 1: SGK (H 96)  b)Hệ quả 2: SGK (H 97)  B E    A C D F  ABC :Â=900  GT DEF :D=900  BC=EF; B=E  KL ABC=DEF    C/m: Ta có:    Mà: (GT) nên  Do đó: ABC=DEF  (g.c.g) |
| **C. Hoạt động Luyện tập (15 phút)**  **Mục tiêu:** HS nắm được trường hợp bằng nhau góc - cạnh - góc của hai tam giác.  Biết cách vẽ một tam giác biết một cạnh và hai góc kề cạnh đó. Rèn luyện kỹ năng sử dụng trường hợp bằng nhau của hai tam giác g – c – g để chứng minh hai tam giác bằng nhau, từ đó suy ra các góc tương ứng bằng nhau, các cạnh tương ứng bằng nhau  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề , phối hợp nhóm. | | |
| - GV: Yêu cầu ***\*T/c HS làm bài 36-SGK***  10 phút  -Y/c HS đọc đề.  -GV vẽ hình lên bảng.  -Hãy ghi GT,KL.  -Muốn c/m AC=BD ta cần c/m gì?  -Hãy c/m?  (GV giúp đỡ HS **yếu**) | -1 HS **yếu** đọc đề.  -Vẽ hình vào vở.  -1HS lên bảng ghi GT,KL.  -HS **yếu** trả lời.  B  A  O  C  D  -Cá nhân c/m ở nháp.  -1HS lên bảng làm.  -HS khác nhận xét, bổ sung. | **4. Luyện tập củng cố**  **Bài 36-SGK**  Xét OBD và OAC  có: (GT); OA=OB (GT); chung.  => OBD= OAC (gcg)  => AC=BD. |
| **D.Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà** | | |
| + Nắm được trường hợp bằng nhau góc – cạnh - góc của hai tam giác  + BTVN: 33; 35; 35; 37 SGK/ 123  **+** Chuẩn bị tiết sau : **“Luyện tập”** | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 30** | **LUYỆN TẬP** |

**I. MỤC TIÊU BÀI DẠY**

**Qua bài này giúp học sinh:**

**1/ Kiến thức:** Khắc sâu kiến thức: Trường hợp bằng nhau của hai tam giác góc - cạnh - góc qua rèn kỹ năng giải một số bài tập.

**2/ Kĩ năng:** Rèn luyện kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau để chỉ ra hai góc tương ứng bằng nhau; các cạnh tương ứng bằng nhau. Rèn kỹ năng vẽ hình, suy luận.

**3/ Thái độ:** Giáo dục tính cẩn thận, chính xác trong toán học

**4/** **Định hướng năng lực được hình thành:**

-Năng lực chung: năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ

- Năng lực chuyên biệt: năng lực tính toán, tư duy logic.

- Phẩm chất: Tự tin, tự chủ.

**II.CHUẨN BỊ**

**1/ Giáo viên**: nghiên cứu chương trình SGK, tài liệu tham khảo

Phấn màu, thước thẳng, thước đo góc, ê ke, bảng phụ, compa.

**2/ Học sinh**: SGK, Vở ghi, đồ dùng học tập, thước thẳng, thước đo góc, ê ke, compa.

**III.TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1/ Ổn định lớp**: Điểm danh (2 phút)

- Lớp 7A... Ngày .../ ... / 20... . Sĩ số: ...................Vắng: ..........................

**2/ Nội dung**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** | **NỘI DUNG** |
| **A.Hoạt động Kiểm tra bài cũ (8 phút)**  **Mục tiêu :** HS phát biểu được các trường hợp bằng nhau của hai tam giác.  Rèn kỹ năng vẽ hình, khả năng phân tích tìm tòi lời giải, trình bày lời giải bài  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| - GV: nêu yêu cầu kiểm tra:  + Phát biểu trường hợp bằng nhau góc – cạnh – góc.  + Chữa BT 34/ 123 SGK phần  + Phát biểu hệ quả của trường hợp bằng nhau g.c.g áp dụng vào tam giác vuông.  - GV: yêu cầu HS nhận xét, bổ sung.  - GV: nhận xét, cho điểm  - GV: ghi bài | - HS: lên bảng trả lời  -HS 1 :  + Trả lời  + Chữa BT 34  + HS: phát biểu hệ quả  - HS: nhận xét, bổ sung |  |
| **B.Hoạt động Luyện tập (33 phút)**  **Mục tiêu:** Khắc sâu kiến thức: Trường hợp bằng nhau của hai tam giác góc - cạnh - góc qua rèn kỹ năng giải một số bài tập.  Rèn luyện kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau để chỉ ra hai góc tương ứng bằng nhau; các cạnh tương ứng bằng nhau. Rèn kỹ năng vẽ hình, suy luận.  **Phương pháp:** Vấn đáp, thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề,... | | |
| - GV: Yêu cầu làm bài toán SGK:  - GV: Ghi lại cách vẽ lên bảng:  - GV: hướng dẫn HS vẽ hình theo từng bước  - GV: yêu cầu HS tập vẽ vào vở.  - GV: Yêu câu làm Bài 35 SGK/ 123  - GV: gọi HS đọc đề, tóm tắt đề dưới dạng GT – KL.  - GV: gọi 1 HS lên bảng vẽ hình  - GV: gợi ý HS cách chứng minh  - GV: hướng dẫn HS cách trình bày bài.  - GV: Yêu làm Bài 36 SGK/ 123  - GV: Gọi 1 HS lên bảng vẽ hình theo SGK.  - GV: đề bài cho gì, hỏi gì?  - GV: gợi ý HS cách chứng minh  - GV: Yêu cầu HS chứng minh  - GV: yêu cầu HS làm bài 37 SGK/ 123  - GV: yêu cầu HS quan sát các hình vẽ bài 37.  Trong hình vẽ các tam giác đã có những dữ kiện nào bằng nhau?  Để hai tam giác bằng nhau cần có thêm điều kiện gì?  Làm thế nào để chứng minh điều kiện đó?  - GV: gọi HS lên trình bày bài làm | -1 HS đọc to đề bài.  - HS: tóm tắt đề + lên bảng vẽ hình  - HS: theo dõi GV gợi ý, suy nghĩ.  - HS: theo dõi GV trình bày  - HS: trả lời cho , hỏi theo hình vẽ bài 36/123 SGK.  - HS: chứng minh | **Tiết 28. §5. Trường hợp Tiết 29. Luyện tập**  **1. Bài 35 SGK/ 123**  GT  Ot là tia pg của  H Ot ; d Ot  dOx ={A},dOy={B},  KL a) OA = OB  b) COt,  cm : CA = CB    **2. Bài 36 SGK/ 123**  D  A  O  B  C  Giải:  Xét ΔOAC và ΔOBDcó:  chung  OA = OB (gt)  (gt)  ⇒ ΔOAC= ΔOBD (g.c.g)  => AC = BD (2 cạnh tương ứng)  **3. Bài 37 SGK/ 123**  ΔABC = ΔFDE (g.c.g)  ΔNRQ = ΔRNP (g.c.g) |
| **Hướng dẫn học sinh học bài ở nhà** | | |
| + Xem lại các bài tập đã chữa, ôn lại kiến thức của chương I, các TH bằng nhau của tam giác, tổng ba góc trong tam giác.  **+** Chuẩn bị tiết sau: **Ôn tập học kì I** | | |

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 31** | **ÔN TẬP HỌC KỲ 1** |

**I. MỤC TIÊU:**

Qua bài học sinh nắm được:

1. Kiến thức: Ôn luyện một cách có hệ thống kiến thức lí thuyết của học kỳ I về khái niệm, tính chất 2 góc đối đỉnh, 2 đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, tổng 3 góc của một tam giác, góc ngoài của tam giác, các trường hợp bằng nhau của tam giác: cạnh - cạnh - cạnh, cạnh - góc - cạnh, góc - cạnh - góc.

2. Kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân biệt GT, KL, kỹ năng trình bày của học sinh.

3. Thái độ: HS chú ý cẩn thận khi vẽ hình, nghiêm túc, tự giác trong học tập.

4. Năng lực: Bồi dưỡng cho Hs năng lực nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập, năng lực hợp tác, chủ động và tính thần tự giác lĩnh hội kiến thức.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. GV: Thước thẳng, êke, thước đo góc.

2. HS: Thước thẳng, êke, thước đo góc.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số 1 phút

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ ôn tập

3. Tiến trình trên lớp:

**A, B. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG VÀ HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (15 phút)**

*Mục tiêu:* Tạo hứng thú động cơ để học sinh tiếp nhận bài mới và ôn tập lí thuyết .

*Phương pháp:* Vấn đáp, thuyết trình, trực quan

*Sản phẩm:* Học sinh hệ thống được toàn bộ lí thuyết về hai góc đối đỉnh, hai đường thẳng song song, hai đường thẳng vuông góc, đường trung trực của đoạn thẳng, các trường hợp bằng nhau của tam giác, …

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** | **NỘI DUNG** |
| ? Thế nào là 2 góc đối đỉnh, vẽ hình, nêu tính chất?  ? Thế nào là hai đường thẳng vuông góc?  ? Phát biểu định nghĩa đường trung trực của đoạn thẳng? Để c/m 1 đường thẳng là đường trung trực của đoạn thẳng ta cần c/m gì? Ngược lại cho đường thẳng a là đường trung trực của đoạn thẳng AB ta suy ra điều gì?  ? Thế nào là hai đường thẳng song song, t/c hai đường thẳng song song, nêu các cách chứng minh hai đường thẳng song song?  ? Phát biểu tiên đề Ơclít?  ? Phát biểu các quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song?  ? Các quan hệ này giúp ta làm bài tập dạng nào?  ? Tổng ba góc của một tam giác?  ? Áp dụng vào tam giác vuông có t/c gì?  ? Góc ngoài của tam giác?  ? Áp dụng vào góc ngoài của tam giác có tính chất gì?  ? Định nghĩa hai tam giác bằng nhau?  ? Các trường hợp bằng nhau của 2 tam giác?  GV: Trường hợp cạnh - góc - cạnh thì góc phải xen giữa 2 cạnh.  GV: Trường hợp góc - cạnh - góc thì 2 góc phải kề với cạnh. | HS độc lập trả lời câu hỏi  - Định nghĩa.  - Tính chất: Hai góc đối đỉnh thì bằng nhau.  - Định nghĩa hai đường thẳng vuông góc.  - Định nghĩa đường trung trực của đoạn thẳng.  - Tính chất 2 đường thẳng song song.  - Dấu hiệu nhận biết.  - HS quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song:  + t/c 1: là 1 cách c/m hai đường thẳng song song.  + t/c 2: là cách c/m vuông góc.  HS vẽ hình các trường hợp bằng nhau của tam giác và ghi tóm tắt các t/h đó. | **I. Lí thuyết**  1. Hai góc đối đỉnh  - Định nghĩa  - Tính chất  2. Hai đường thẳng vuông góc.  - Định nghĩa:  - Định nghĩa đường trung trực của đoạn thẳng.  3. Hai đường thẳng song song  - Định nghĩa  - Tính chất  - Các cách ch/m 2 đường thẳng song song  + 2 góc SLT bằng nhau.  + 2 góc đồng vị bằng nhau.  + 2 góc trong cùng phía bù nhau.  + 2 đt p/ biệt cùng vuông góc với đt thứ 3.  + 2 đt p/b cùng song song với đt thứ 3.  4. Tiên đề Ơclit  5. Quan hệ giữa tính vuông góc và tính song song.  6. Tam giác  a) Tổng ba góc của 1 tam giác.  - Định lí:  - Áp dụng vào tam giác vuông  - Áp dụng vào góc ngoài của tam giác.  + Định nghĩa  + Tính chất  b) Các trường hợp bằng nhau của tam giác  + c.c.c  + c.g.c  + g.c.g |

**B. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP, CỦNG CỐ (15 PHÚT)**

Mục tiêu: Vận dụng lí thuyết vừa ôn tập để làm một số bài tập chứng minh đoạn thẳng bằng nhau, hai đường thẳng song song,

Phương pháp: Vấn đáp, thuyết trình, hoạt động cá nhân.

Sản phẩm: Bài tập 1

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| GV: Đưa bài 1, yêu cầu  Cho ABC, M là trung điểm của BC. Trên tia đối của tia MA lấy điểm E sao cho MA = ME. Chứng minh rằng:  a) AB = CE.  b) AB // CE.  c) Từ C kẻ tia Cx // AB. Vẽ đường thẳng đi qua B và trung điểm I của cạnh AC cắt Cx tại D. Chm BI = DI.  ? Bài toán cho biết gì, yêu cầu gì?  ? Hãy vẽ hình, ghi GT, KL của bài toán?  ? Để c/m AB = EC ta làm ntn?  ? ABM và ECM có cạnh nào, góc nào bằng nhau rồi?  GV: Gọi HS lên bảng trình bày.  ? Để c/m AB // CE ta làm ntn?  ? Để c/m  ta làm ntn?  ? Để c/m BI = DI ta làm ntn ?  ? Qua bài tập ta đã vận dụng những kiến thức gì? Nhắc lại các kiến thức đó? | HS đọc y/c đề bài  1 HS vẽ hình, 1 HS ghi GT, KL.  HS: Thực hiện vào vở.  HS : Ta c/m ABM =ECM.  HS: Ta c/m .  HS : Ta c/m ABM = ECM.  HS: Ta c/m ABI = CDI.  HS trả ời yêu cầu GV | I**I. Luyện tập**  1.Bài1  GT ABC ; MB = MC ;  MA = ME  Cx // AB ; IA = IC  KL a) AB = CE  b) AB // CE  c) BI = DI  Chứng minh  a) Xét ABM và ECM có  BM = CM (GT)  (đ2)  MA = ME (GT)  => ABM = ECM (c.g.c)  =>AB = EC (2 cạnh tương ứng)  b) Vì ABM = ECM (cmt)  =>  (hai góc tương ứng)  Mà hai góc này ở vị trí so le trong  => AB // CE ( dấu hiệu ...)  c) Ta có  Cx // AB (GT)  (2 góc so le trong)  Xét ABI và CDI có  (cmt)  AI = CI (GT)  (đ2)  => ABI = CDI (g.c.g)  => IB = ID ( 2 cạnh tương ứng) |

**D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (5 PHÚT)**

*Mục tiêu:* Học sinh bước đầu biết mở rộng thêm bài toán bằng cách đặt thêm các câu hỏi cho bài 1 và tìm hướng giải bài toán mình đặt ra?.

*Phương pháp:* Hoạt động nhóm cặp đôi, thuyết trình.

*Sản phẩm:* Có thêm từ 2 câu hỏi nữa cho bài 1 và hướng giải các câu hỏi đó.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ? Hãy đặt thêm câu hỏi khác từ bài tập trên?  GV cho Hs hoạt động cặp đôi. | HS hoạt động nhóm đôi tìm câu hỏi hay và phù hợp với trình độ. | + C/m AB = CD  + C/m AD //CB |

**E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (5 PHÚT)**

**-** GVgiao bài tập về nhà:

- HS ghi y/c về nhà.

Bài tập: Cho tam giác ABC có Â vuông và góc B = 600. Gọi M là trung điểm của AC, kẻ MH vuông góc với BC.

a) Tính góc HMC.

b) Qua A kẻ 1 đường thẳng song song với đường thẳng BC, cắt đường thẳng MH tại K. Chứng minh MH = MK và AH // CK.

- Làm bài tập 43, 44/45.

***Ngày soạn: / / . Ngày dạy: / / . Lớp dạy:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 32** | **ÔN TẬP HỌC KỲ 1(TIẾP)** |

**I. MỤC TIÊU:**

Qua bài giúp học sinh:

1. Kiến thức: Ôn luyện một cách có hệ thống kiến thức lí thuyết của học kỳ I về khái niệm, tính chất 2 góc đối đỉnh; 2 đường thẳng song song; hai đường thẳng vuông góc; tổng 3 góc của một tam giác; góc ngoài của tam giác; các trường hợp bằng nhau của tam giác: cạnh - cạnh - cạnh, cạnh - góc - cạnh, góc - cạnh - góc.

2. Kỹ năng : Rèn luyện kỹ năng vẽ hình, phân biệt GT, KL, kỹ năng trình bày của học sinh.

Rèn kĩ năng vận dụng kiến thức đã học vào bào bài tập cụ thể.

3. Thái độ: HS chú ý cẩn thận khi vẽ hình, thao tác nghiêm túc khi trình bày bài tập chứng minh hình học.

4. Năng lực: Bồi dưỡng cho HS năng lực nghiên cứu, khả năng làm việc độc lập, năng lực hợp tác, năng lực tự giác chủ động.

**II. CHUẨN BỊ:**

1. GV: thước thẳng, êke, thước đo góc, com pa.

2. HS: thước thẳng, êke, thước đo góc, com pa.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

1. Ổn định tổ chức: Kiểm tra sĩ số 1 phút

2. Kiểm tra bài cũ: Kết hợp trong giờ học

3. Tiến trình trên lớp:

**A, B. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG, HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (25 PHÚT)**

*Mục tiêu:* Tạo hứng thú động cơ để học sinh tiếp nhận bài mới và làm 1 số bài tập c/m bằng nhau, song song, tính số đo góc .

*Phương pháp:* Vấn đáp, thuyết trình, trực quan

*Sản phẩm:* Học sinh làm được bài tập về nhà và làm thêm bài tập luyện.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** | **Nội dung** |
| Bài 1: BT : Cho tam giác ABC có Â vuông và góc B bằng 600. Gọi M là trung điểm của AC, kẻ MH vuông góc với BC  a) Tính góc HMC  b) Qua A kẻ 1 đường thẳng song song với đường thẳng BC, cắt đường thẳng MH tại K. Chứng minh MH = MK và AH // CK  ? Bài toán cho biết gì. Yêu cầu gì.  ? Vẽ hình, ghi GT, KL của bài toán.  ? Tính góc HMC ntn?  ? C/m góc HMC bằng góc B ntn?  GV: Gọi HS trình bày.  ? C/m MH = MK ntn?  ? C/m AH // CK ta phải chứng minh điều gì.  ? Chm góc AHM bằng góc CKM ntn?  Bài 2: Cho góc xAy vuông, At là tia phân giác của góc đó. Qua H thuộc tia At kẻ đường vuông góc At nó cắt Ax, Ay theo thứ tự B, C.  a) Chứng minh AB = AC  b) Lấy D thuộc tia At. Chứng minh DB = DC  c) Khi D thuộc tia đối của HA và HD = HA. Chứng minh góc BDC bằng 900  ? Bài toán cho biết gì. Yêu cầu tìm gì.  GV: Gọi HS lên bảng vẽ hình, ghi GT, KL của bài toán.  ? C/m AB = AC ntn?  GV: Gọi HS chứng minh  ? Chứng minh DB = DC ntn?  GV: Gọi HS chứng minh  ? Chứng minh ntn?  ? Chứng minh ntn?  ? Qua bài ta đã vận dụng các kiến thức gì? Nhắc lại các đơn vị kiến thức đó? | HS đọc yêu cầu đề bài  HS lên bảng vẽ hình và 1 HS ghi GT, KL.  HS: C/m góc HMC bằng góc B.  HS: Cùng phụ với góc C1.  HS: Chm tg CMH = tg AMK( g.c.g).  HS: Chứng minh góc AHM bằng góc CKM.  HS: Chứng minh tam giác AMH bằng tam giác CMK.  Hs đọc yêu cầu đề bài.  1 HS lên bảng vẽ hình, 1 HS ghi GT, KL  HS: Chứng minh AHB = AHC  HS: Chứng minh ABD = ACD  HS: Chứng minh  HS: Chứng minh ABC = DBC  HS trả lời câu hỏi GV | I. Chữa bài tập  1. Bài 1  B  A  GT ,  MA = MC; MH BC; ……..AK // BC  KL a)  = ?  b) MH = MKvà AH // CK  Chứng minh  Xét AMK và CMH có  (đ2)  MA = MC (GT)  (cmt) =>AMK =CMH (g.c.g)  => MK = MH (2 cạnh tương ứng)  \*) Xét AMH và CMK có  MA = MC ( GT)  (đ2)  MH = MK (cmt) =>AMH = CMK (c.g.c)  =>(2 góc tương ứng)  Mà 2 góc này ở vị trí SLT  => AH // CK (DHNB)  II. Luyện tập  2. Bài 2    GT  = 900, At là p/g …….của  BCAt tại H, HA = HD  KL a) AB = AC  b) DB = DC  c)  Chứng minh  a) Xét AHB và AHC có  Â1 = Â2 (At là pg của )  Cạnh AH chung  = 900 (BC At tại H)  => AHB = AHC ( g. c. g)  => AB = AC (2 cạnh tương ứng)  b) Xét ABD và ACD có  AB = AC (2 cạnh tương ứng)  Â1 = Â2 (At là pg của )  Cạnh AC chung  => ABD = ACD (c . g . c)  => DB = DC ( 2 cạnh tương ứng)  c) CHA = CHD (cmt)  => AC = DC (2 cạnh tương ứng)  Mà AC = AB (cmt)  Và DB = DC (cmt)  => AC = DC = AB = DB  Xét ABC và DBC có  AB = DB (cmt)  AC = DC (cmt)  Cạnh CB chung  => ABC = DBC (c . c. c)  => (2 góc tương ứng)  Mà ( = 900 và B thuộc Ax, C thuộc Ay)  => |

**D. HOẠT ĐỘNG TÌM TÒI MỞ RỘNG (7 PHÚT)**

*Mục tiêu:* Học sinh biết vẽ sơ đồ tư duy của cố các kiến thức đã học trong chương tam giác

*Phương pháp:* Hoạt động nhóm theo bàn, thuyết trình.

*Sản phẩm:* Mỗi nhóm có 1 sơ đồ tư duy củng cố kiến thức chương 2 tam giác đã học

- GV thu sản phầm và về nhà chấm

- GV cử đại diện 1 nhóm trình bày sản phẩm của nhóm mính

****

**E. HOẠT ĐỘNG HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ 2 PHÚT**

- Xem lại các dạng bài tập đã chữa

- Ôn tập chuẩn bị tiết sau kiểm tra học kì - 2 tiết (ĐS và HH)